

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **32** /2014/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C Ngày: 09/3/15

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quy định áp dụng Bảng giá các loại đất năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 335/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2014, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 352/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2014 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau tại Công văn số 268/HĐND-TT ngày 19 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất, để áp dụng tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong các trường hợp:

a) Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất được quy định tại Điều 1 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

b) Nhà nước cho thuê đất, gồm đất trên bề mặt, đất có mặt nước và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, cho thuê đất để xây dựng công trình trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, công nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thuê đất, gia hạn thời gian thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất, để áp dụng cho các đối tượng tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong các trường hợp:

a) Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

b) Nhà nước cho thuê đất, gồm đất trên bề mặt, đất có mặt nước và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, cho thuê đất để xây dựng công trình trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, công nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thuê đất, gia hạn thời gian thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 2 và điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Ban hành kèm theo Quyết định này là Hệ số điều chỉnh giá đất đối với từng tuyến đường và từng loại đất để tính giá trị quyền sử dụng đất cho từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể nằm trên tuyến đường và loại đất đó có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá các loại đất năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành), để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Hệ số điều chỉnh giá đất kèm theo Quyết định này gồm:

1. Phụ lục I: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị;
2. Phụ lục II: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn;
3. Phụ lục III: Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp;

4. Phụ lục IV: Quy định áp dụng Hệ số điều chỉnh giá đất.

(Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng sở, ban, ngành, cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp/.

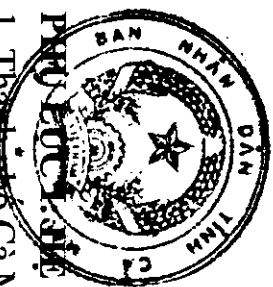
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng Nông nghiệp - Nhà đất;
- Lưu: VT, Ktr70/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tiến Dũng



MỤC LỤC

	Trang
PHỤ LỤC I: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TÀI ĐÔ THỊ.....	1
1. Thành phố Cà Mau	1
2. Huyện Thới Bình	18
3. Huyện U Minh	22
4. Huyện Trần Văn Thời.....	25
5. Huyện Cái Nước	38
6. Huyện Phú Tân	44
7. Huyện Đầm Dơi.....	46
8. Huyện Năm Căn	51
9. Huyện Ngọc Hiển.....	59
PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TÀI NÔNG THÔN.....	61
1. Thành phố Cà Mau	61
2. Huyện Thới Bình	65
3. Huyện U Minh	75
4. Huyện Trần Văn Thời.....	92
5. Huyện Cái Nước	136
6. Huyện Phú Tân	144
7. Huyện Đầm Dơi.....	154
8. Huyện Năm Căn	171
9. Huyện Ngọc Hiển	183
PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP.....	189
PHỤ LỤC IV: QUY ĐỊNH ÁP DỤNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT	190



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

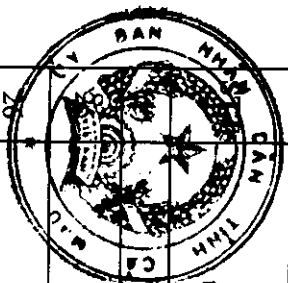
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Cà Mau)

PHỤ LỤC I: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠİ ĐÔ THỊ

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

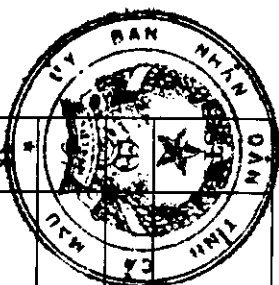
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ngô Quyền	Công trường Bạch Đằng	Lý Bôn	1,8
2	nt	Lý Bôn	Nguyễn Trãi	1,8
3	nt	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1,0
4	nt	Đinh Tiên Hoàng	Cổng Công viên Văn hóa	1,0
5	nt	Cổng Công viên Văn hóa	Tà Uyên	1,8
6	nt	Tà Uyên	Lương Thế Vinh	1,8
7	Ngô Quyền	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1,8
8	nt	Võ Văn Tần	Hết ranh phường 1	1,8
9	nt	Hết ranh phường 1	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Đường đi UBND xã Hồ Thị Kỳ	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Cầu Bạch Ngưu	1,5
11	Lý Thái Tôn	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiến	1,2
12	nt	Phan Ngọc Hiến	Phạm Hồng Thám	1,4
13	Phạm Hồng Thám	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,5
14	nt	Lý Bôn	Lâm Thành Mậu	1,6
15	Lâm Thành Mậu	Cầu Phụng Hiệp	Phạm Hồng Thám	1,5
16	nt	Phạm Hồng Thám	Hết ranh lò giết mổ	1,5
17	nt	Hết ranh lò giết mổ	Hết ranh phường 4	1,5
18	nt	Hết ranh phường 4	Hết ranh phường Tân Xuyên	1,3
19	Phan Ngọc Hiến	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Phụng Hiệp	1,6
20	nt	Mố cầu Phụng Hiệp	Quang Trung: bên trái	1,5
21	nt		Quang Trung: bên phải	1,5
22	nt	Phạm Văn Ký	Lý Bôn (2 bên cầu)	1,5
23	nt	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1,8
24	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1,8



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
nt	Lý Thái Tôn	Nguyễn Trãi	1,8	
nt	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1,8	
27	Phạm Văn Ký	Phan Ngọc Hiến	1,8	
28	nt	Nguyễn Hữu Lễ	1,8	
29	nt	Phan Chu Trinh	1,8	
30	Lý Bôn	Lê Lợi	1,8	
31	nt	Hoàng Diệu	1,8	
32	nt	Nguyễn Hữu Lễ	1,8	
33	nt	Phan Ngọc Hiến	1,8	
34	Lý Bôn	Bùi Thị Xuân	1,8	
35	nt	Phạm Hồng Thám	1,8	
36	Phan Đình Phùng	Lê Lợi	1,8	
37	nt	Hoàng Diệu	1,8	
38	nt	Ngô Quyền	1,8	
39	Hoàng Diệu	Công trường Bạch Đằng	1,8	
40	nt	Lý Bôn	1,8	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1,8
42	Nguyễn Hữu Lễ	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,8
43	nt	Lý Bôn	Phạm Văn Ký	1,8
44	Lê Lợi	Trung Nhị	Lê Lai	1,8
45	nt	Lê Lai	Nguyễn Trãi	1,8
46	Lý Văn Lâm	Nguyễn Trãi	Cống bến Tàu A (cũ)	1,6
47	nt	Cống bến Tàu A (cũ)	Cống Công viên Văn hóa	1,6
48	nt	Cống Công viên Văn hóa	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	1,6
49	nt	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	Lương Thế Vinh	1,6
50	nt	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tấn	1,6
51	nt	Võ Văn Tấn	Ranh Phường 1	1,6
52	nt	Ranh Phường 1	Cầu Giồng Kè	1,6
53	Nguyễn Trãi	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1,8
54	nt	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Thiện Năng	1,8
55	nt	Nguyễn Thiện Năng	Tạ Uyên	1,8
56	nt	Tạ Uyên	Hết ranh khách sạn Best	1,8



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
nt	Hết ranh khách sạn Best	Cổng Kênh Mới	1,5
Quốc lộ 63	Cổng Kênh Mới	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	1,5
nt	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	Cầu số 2	1,2
Đường Kênh Cùi	Nguyễn Trãi	Hết ranh Trường tiểu học phường 9 (Khu C)	1,2
nt	Đoạn còn lại		1,2
Kênh Mới	Quốc lộ 63	Cầu Thanh Niên	1,2
Đê Thảm	Toàn tuyến		1,8
Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		1,8
Trung Trắc	Toàn tuyến		1,8
Trung Nhị	Toàn tuyến		1,8
Lê Lai	Toàn tuyến		1,8
Vưu Văn Tỷ	Phan Chu Trinh	Nguyễn Hữu Lễ	1,8
Nguyễn Thiện Năng	Lâm Thanh Mậu	Nguyễn Trãi	1,5
Bùi Thị Xuân	Lý Bôn	Lý Thái Tôn	1,7
Đường vào Thành đội Cà Mau	Nguyễn Trãi	Hết ranh đất của Thành đội	1,2
Phan Bội Châu	Quang Trung	Hết ranh Sô Thủy sản cũ	1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
73	nt	Hết ranh Sở Thủy sản cũ	Cầu Gành Hào	1,8
74	nt	Cầu Gành Hào	Hẻm 159	1,6
75	nt	Hẻm 159	Hẻm Bệnh viện sản - nhi	1,3
76	Quang Trung	Phan Bội Châu	Cầu Cà Mau	1,8
77	nt	Cầu Cà Mau	Cầu Phụng Hiệp	1,8
78	nt	Cầu Phụng Hiệp	Bùi Thị Trường	1,5
79	Quang Trung	Bùi Thị Trường	Cầu Bùng Bình	1,5
80	nt	Cầu Bùng Bình	Đường 3/2	1,5
81	nt	Đường 3/2	Cống Cà Mau	1,5
82	Kênh Xáng Phụng Hiệp	Cống Cà Mau	Hết Bến tàu liên tỉnh	1,3
83	nt	Hết Bến tàu liên tỉnh	Vàm Cái Nhúc	1,3
84	nt	Vàm Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành	1,3
85	Đường Kênh xáng Cái Nhúc	Vàm Cái Nhúc đi UBND phường Tân Thành	Hết ranh Phường Tân Thành	1,2
86	Bùi Thị Trường	Quang Trung	Hùng Vương	1,7
87	nt	Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Sanh	1,8
88	Trần Văn Thời	Nguyễn Ngọc Sanh	Đường 3/2	1,5



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
	Lý Thường Kiệt	Ranh phường 6	Đầu lộ Tân Thành	1,4
90	nt	Đầu lộ Tân Thành	Cột mốc KM số 4	1,4
91	nt	Cột mốc KM số 4	Đường vào sân bay	1,4
92	nt	Đường vào sân bay	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	1,8
93	nt	Riêng khu vực bến xe liên tỉnh	Cách 2 bên: 100m	1,8
94	Lý Thường Kiệt	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	Hẻm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	1,8
95	nt	Hẻm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	Tương dài	1,8
96	nt	Tương dài	Mố cầu Cà Mau	1,8
97	nt	Mố cầu Cà Mau	Quang Trung (2 bên cầu)	1,8
98	An Dương Vương	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	1,8
99	nt	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,8
100	nt	Hồ Trung Thành	Đường 6A, 6B	1,8
101	Hùng Vương	Huỳnh Ngọc Diệp	Bông Văn Dĩa	1,8
102	nt	Bông Văn Dĩa	Bùi Thị Trường	1,8
103	nt	Bùi Thị Trường	Phan Ngọc Hiến	1,8
104	nt	Phan Ngọc Hiến	Lý Thường Kiệt	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	nt	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Gành Hào	1,2
106	nt	Mố cầu Gành Hào	Phan Bội Châu: Bên phải	1,5
107	nt		Phan Bội Châu: Bên trái	1,5
108	Lưu Tấn Tài	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,8
109	Trần Hưng Đạo	Phan Bội Châu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1,8
110	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Lý Thường Kiệt	1,5
111	nt	Lý Thường Kiệt	Phan Ngọc Hiển	1,5
112	nt	Phan Ngọc Hiển	Bùi Thị Trường	1,8
113	nt	Bùi Thị Trường	Nguyễn Du	1,8
114	nt	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,8
115	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,8
116	nt	Hết ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	1,8
117	nt	Hết ranh phường 5	Cầu Cái Nhúc	1,8
118	Quản lộ Phụng Hiệp	Cầu Cái Nhúc	Ranh phường Tân Thành	1,8
119	Lê Đại Hành	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,5
120	Trần Văn Bình	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Hưng Đạo	1,6



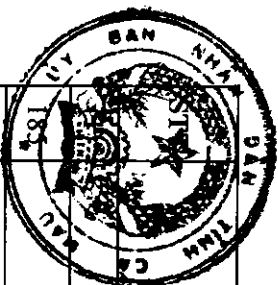
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
nt	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương		1,6
122	Châu Văn Đặng	Nguyễn Ngọc Sanh		1,6
123	Nguyễn Ngọc Sanh	Phan Ngọc Hiến	Đường 30/4	1,6
124	Đường 30/4	Bông Văn Dĩa	Trần Hưng Đạo	1,6
125	nt	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1,6
126	nt	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Văn Thới	1,6
127	Đường 1/5	Trần Hưng Đạo	Đường 30/4	1,8
128	Đường số 1, 2, 3 (Giới hạn giữa đường 30/4 và đường 1/5)	Đường 30/4	Đường 1/5	1,5
129	Đường số 1	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,5
130	Đường 3/2	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thới	1,5
131	nt	Trần Văn Thới	Tôn Đức Thắng	1,5
132	nt	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1,4
133	Đường 3/2	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1,5
134	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Khải	Trần Hưng Đạo	1,4
135	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1,5
136	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
137	Nguyễn Du	Đường 3/2	Trần Hưng Đạo	1,5
138	nt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1,5
139	Lê Công Nhân	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,5
140	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	1,5
141	nt	Tôn Đức Thắng	Tô Hiến Thành	1,5
142	nt	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
143	Lê Hoàng Thái	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
144	nt	Đường 3/2	Hết đường hiện hữu	1,5
145	Mạc Đình Chi	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
146	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,5
147	Nguyễn Đình Thi	Đường 3/2	Tô Hiến Thành	1,5
148	Ngô Gia Tự	Huỳnh Ngọc Diệp	Đường 3/2	1,5
149	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,5
150	Nguyễn Việt Khải	Toàn tuyến		1,5
151	Huỳnh Ngọc Diệp	Kênh xáng Phụng Hiệp	Hùng Vương	1,5
152	Huỳnh Ngọc Diệp	Hùng Vương	Nguyễn Du	1,5
153	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Việt Khải	Trần Hưng Đạo	1,5



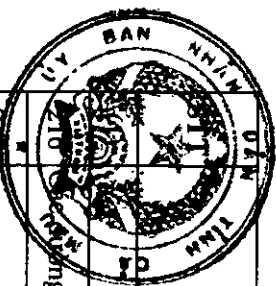
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến		
	(2)	(3)	(4)	(5)	
	Tô Hiến Thành	Mạc Đình Chi	Trần Hưng Đạo		1,5
155	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2		1,5
156	Trần Quang Khải	Nguyễn Du	Đường 3/2		1,5
157	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc		1,5
158	Trần Bình Trọng	Nguyễn Du	Đường 3/2		1,5
159	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc		1,5
160	Tôn Thất Tùng	Ngô Gia Tự	Quang Trung		1,5
161	Lê Khắc Xương	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời		1,5
162	Nguyễn Tất Thành	Trương Phùng Xuân (Bên trái - Phía Sơ GTVT)	Cao Thắng		1,5
163	nt	Trương Phùng Xuân (Bên phải - Phía trường TH Kinh tế - Kỹ thuật)	Hết ranh trường Lương Thế Vinh		1,5
164	nt	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ		1,5
165	nt	Nguyễn Công Trứ	Cổng Hội đồng Nguyễn		1,5
166	Đường 19/5	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập		1,5
167	Đường lộ mới (Lộ kinh Tám Dầm)	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập		1,5
168	Lộ Kinh Tinh đội (2 bên)	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5		1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
169	Trương Phùng Xuân	Đường số 3	Đường số 1 (Dự án của Công ty Dịch vụ - TM)	1,5
170	nt	Đường số 1 (Dự án của Công ty Dịch vụ - TM)	Cầu Gành Hào	1,5
171	nt	Cầu Gành Hào	Kênh Rạch Rập	1,5
172	nt	Kênh Rạch Rập	Cống Bà Cai	1,5
173	nt	Cống Bà Cai	Giáp ranh xã Lợi An	1,5
174	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Trương Phùng Xuân	Đường 19/5	1,5
175	nt	Đường 19/5	Hết ranh phường 8	1,5
176	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Trương Phùng Xuân	Đổi diện đường 19/5	1,5
177	nt	Đổi diện đường 19/5	Hết ranh phường 8	1,5
178	Nguyễn Công Trứ	Cảng cá Cà Mau	Lê Hồng Phong	1,5
179	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1,5
180	nt	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,5
181	Kênh 26/3	Kênh Rạch Rập	Kênh Bà Cai	1,5
182	Cao Thắng	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,5
183	Lê Hồng Phong	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1,5
184	nt	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	1,5



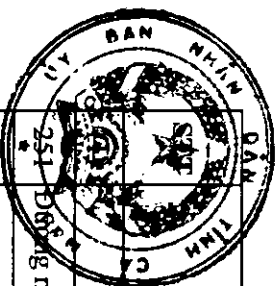
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
nt	Nguyễn Đình Chiểu	Hết ranh Phường 8	1,5
186	Lưu Hữu Phước	Toàn tuyến	1,5
187	Nguyễn Bình Khiêm	Toàn tuyến	1,5
188	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Hồng Phong	1,5
189	nt	Nguyễn Tất Thành	1,5
190	Đường số 5	Nguyễn Đình Chiểu	1,5
191	Đường số 12	Nguyễn Công Trứ	1,5
192	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã ba sông Gành Hào	1,5
193	nt	Cổng Đồi, Phường 6	1,5
194	Huỳnh Thúc Kháng	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,5
195	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	1,5
196	nt	Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2	1,5
197	nt	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,5
Khu dự án của Công ty Dịch vụ - Thương mại, phường 8			
198	Đường số 1	Cao Thắng	1,5
199	Đường số 2	Đường số 1	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
200	Đường số 6, 7 (Số 2, số 4 mới)	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỷ)	1,5
201	Đường số 3 (Giáp Nhị tỷ)	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,5
	Khu phường 8			
202	Lê Anh Xuân	Quách Văn Phẩm	Lê Vĩnh Hòa	1,5
203	nt	Lê Vĩnh Hòa	Nguyễn Bình Khiêm	1,5
204	Nguyễn Mai	Toàn tuyến		1,5
205	Nguyễn Ngọc Cung	Toàn tuyến đường hiện hữu		1,5
206	Lê Vĩnh Hòa	Lê Hồng Phong	Lưu Hữu Phước	1,5
207	nt	Đoạn còn lại		1,5
208	Khu D - Phường 8			
209	Quách Văn Phẩm	Lê Hồng Phong	Hết đường hiện hữu	1,5
210	Trần Văn Ôn	Quách Văn Phẩm	Hết đường hiện hữu	1,5
211	Đại Đức Hữu Nhem	Lý Văn Lâm	Vào 50m	1,5
212	nt	> 50m - 100m		1,5
213	nt	Đoạn còn lại		1,5
214	Đường vào UBND phường 1	Lý Văn Lâm	Hết ranh trường Mẫu giáo Hòa Mi	1,5
215	Các đường nhánh xung quanh UBND phường 1			
				1,5

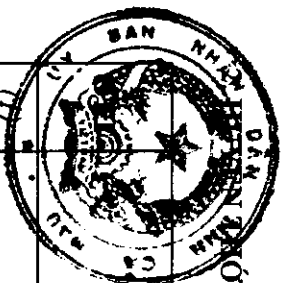


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
Đường nhánh thuộc khu Tân Lộc - Phường 9				
217	Nguyễn Văn Trời	Trần Hưng Đạo	Hết đường nhựa hiện hữu	1,5
218	nt	Đoạn song song với đường Trần Hưng Đạo		1,5
219	nt	Trần Hưng Đạo	Hết đường hiện hữu (Đường vào chợ phường 5)	1,5
220	Bông Văn Dĩa	Toàn tuyến		1,5
221	Hải Thượng Lân Ông	Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	1,5
222	nt	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Kênh Cống Đồi	1,5
223	nt	Kênh Cống Đồi	Cống Cầu Nhum	1,5
224	Đường bờ sông Gành Hào phường 7	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,5
225	Đường vào trụ sở Công ty CaMiMex	Lê Hồng Phong	Hết ranh trụ sở Công ty CaMiMex	1,5
226	Định Tiên Hoàng	Phan Ngọc Hiến	Ngô Quyền	1,5
227	nt	Ngô Quyền	Hết đường hiện hữu (Hướng về phường 1)	1,5
228	Hoa Lư	Toàn tuyến		1,5
Khu Trung tâm Thương mại Phường 7				
229	Hồ Trung Thành	Đường số 12	Đường số 8	1,6
230	Đường số 16	Đoạn quanh Siêu thị (Gồm các đường: Sư Vạn Hạnh và La Văn Cầu)		1,6
231	Đường số 17	Đường số 11	UBND phường 7	1,6
232	Đường số 6A	Cuối đường An Dương Vương	Phan Bội Châu	1,6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
233	Đường số 6B	Cuối An Dương Vương	Quang Trung	1,6
234	Hẻm 43 (tên cũ Đường số 4)	Toàn tuyến		1,6
235	Hẻm 27 (tên cũ Đường số 5)	Toàn tuyến		1,6
236	Đường số 10	Toàn tuyến		1,6
237	Đường số 13	Đường số 10	Hồ Trung Thành	1,6
238	Đường số 11	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,6
239	nt	Hồ Trung Thành	Đường số 12	1,6
240	Đường số 12	Toàn tuyến		1,6
241	Đường số 8	Hồ Trung Thành	Đường số 3	1,6
242	Các đường xuống Bến tàu B	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,5
243	Đường vào UBND phường Tân Thành	Lý Thường Kiệt	Hết ranh phường 6	1,4
244	nt	Hết ranh phường 6	Kênh xáng Cái Nhúc (Trụ sở UBND phường Tân Thành)	1,4
245	Tuyến Ông Tơ	Kênh Xáng Cái Nhúc	Kênh Xáng Phụng Hiệp	1,2
246	Đường vào khu tập thể Sở Tài chính			1,5
247	Kênh Cống Đồi (2 bờ kênh)			1,2
248	Khu dự án sau hậu đường Nguyễn Đình Chiểu			1,2
249	Khu dự án Công ty Cổ phần xây dựng Thủy Lợi			1,5
250	Khu đất phía sau Co.opMart (Khu Đại đội Thông tin phường 5 cũ)			1,5



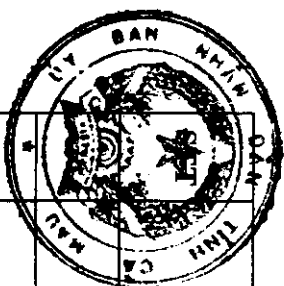
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
Đất nông nghiệp nội bộ Chợ nông sản thực phẩm phường 7			
252	Đường vào Đài không lưu, phường 6	Các lô từ 7A	Đến 21A
253	nt	Các lô từ 22A	Đến 36A
254	Trần Văn Phú	Trần Văn Thới	Đường 30/4
255	Võ Văn Tần	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm
256	Lương Thế Vinh	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm
257	Mậu Thân	Nguyễn Trãi	Trần Quang Diệu
258	nt	Trần Quang Diệu	Vòng xoay đường Ngô Quyền
259	Võ Văn Kiệt	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Kênh xáng Bạch Ngưu
260	Tạ Uyên	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền (Tên cũ: Hết ranh trường Tiểu học Phường 1)
261	Trần Quang Diệu	Tạ Uyên	Hết tranh trường trung cấp nghề
262	Đoàn Giỏi	Trần Quang Diệu	Đường số 16
263	Ngô Thời Nhiệm	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9
264	Nguyễn Hữu Nghĩa	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9
265	Trương Định	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9
266	Tuyến cù lao sông Cái Nhúc (Lô bê tông 2,5m)	Cầu Vàm Cái Nhúc	Cầu Cái Nhúc
Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ	1,4
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ	1,4



HỘI BÌNH

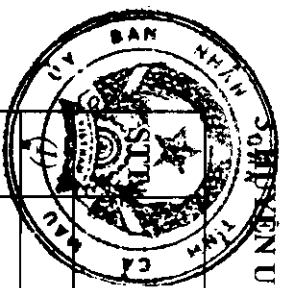
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường 3 tháng 2	Ngã ba bưu điện huyện	Ngã tư Quỹ tín dụng	1,2
2	nt	Ngã tư Quỹ tín dụng	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành	1,2
3	Đường 30 tháng 4	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành (Hai bên)	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	1,2
4	Các tuyến khác	Ngã tư Quỹ tín dụng	Hết ranh đất ông Hai Khuê (Hai bên lộ)	1,2
5	Đường Hồ Thị Kỳ	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	Ngã ba bưu điện huyện	1,2
6	Khu Trung tâm chợ	Ngã ba bưu điện huyện	Cầu Bà Đặng	1,2
7	nt	Nhà bia ghi danh Liệt sỹ	Giáp ngã tư Tiệm thuốc tây Thịnh Phát	1,2
8	Đường Hồ Thị Kỳ	Hết ranh đất ông Quới	Đầu kênh Láng Trâm	1,2
9	nt	Đầu kênh xáng Láng Trâm (Theo bờ Sông Trèm)	Hết ranh bến tàu Thới Bình	1,2
10	nt	Hết ranh bến tàu Thới Bình	Rạch Bà Hội	1,2
11	Đường 3 tháng 2	Ranh đất ông Chín (hai bên lộ)	Cổng kênh Tầm Thước	1,3
12	Kênh Láng Trâm – Cầu Bà Hội (Đoạn giáp tuyến lộ Thới Bình - U Minh)	Kênh Láng Trâm	Cầu Bà Hội	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
13	Các tuyến khác	Sông Trẹm (Theo bờ Bắc kênh Láng Trâm)	Lộ Thới Bình - Tân Lộc (Giao lộ nhà ông Trĩ)	1,2
14	Đường 30 tháng 4	Giao lộ 30/4 - 3/2 (Tên cũ: Ranh đất ông Thắng (Hai bên lộ))	Cầu bà Đặng Trọng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Triều Tân (Hai bên lộ))	1,0
15	Các tuyến thuộc khu dân cư nhóm 8, thị trấn	Rạch Bà Năm	Kênh Tám Thước	1,2
16	Đường 30 tháng 4	Rạch Bà Đặng (Ranh đất ông Năm Dân), hai bên lộ	Lộ UBND xã Thới Bình đi Bà Đặng	1,0
17	Các tuyến thuộc khu dân cư Bệnh viện đa khoa Thới Bình			1,2
18	Các tuyến thuộc khu dân cư nhóm 1, thị trấn			1,2
19	Đường 19 tháng 5	Đình Thần	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	1,2
20	Đường 1 tháng 5	Giáp lộ Đình Thần đến Phòng Nông nghiệp	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Đường Hành lang ven biển phía Nam cũ)	1,2
21	Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Ngã 3 sông Trẹm	1,2
22	nt	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Trung tâm Thể dục thể thao	1,2
23	nt	Hết ranh Trung tâm Thể dục thể thao	Hết ranh Trung tâm giáo dục thường xuyên	1,2
24	Đường Mậu Thân	Cầu bà Đặng (Bờ Nam)	Đường 30 tháng 4	1,2
25	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu bà Đặng (Bờ Bắc)	Đường 30 tháng 4	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
Đường Mậu Thân	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Bảy Nguyễn)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân)	1,2
Lộ Rạch Bà Đăng	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Thắng)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười)	1,2
Đường Mậu Thân	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân) bờ Nam	Giáp ranh xã Thới Bình	1,2
Lộ Rạch Bà Đăng	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười) bờ Bắc	Giáp ranh xã Thới Bình	1,2
Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc	Cổng kênh Tám Thước	Cách cầu Bà Hội: 500m	1,2
nt	Cách cầu Bà Hội: 500m	Cầu Bà Hội + 100m	1,2
Bờ Tây Sông Trẹm	Kênh Zê Rô (Ranh đất ông Thế)	Rạch Giồng Nhỏ	1,2
nt	Rạch Giồng Nhỏ	Giáp ranh xã Thới Bình	1,2
nt	Kênh Zê Rô (Bờ Tây sông Trẹm)	Dầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	1,2
nt	Dầu kênh Zê Rô (Giáp sông Trẹm)	Di U Minh (Hết ranh đất ông Bảy Cần)	1,2
Thị trấn - Biển Bạch (Bờ Đông Sông Trẹm)	Ngã ba sông Trẹm Trẹm	Đình Thần	1,2
nt	Đình Thần	Rạch Ông	1,2
nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1,2
Lộ bê tông qua đất ông Sáu Đạt	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,2

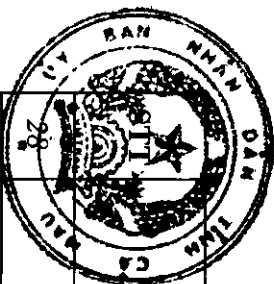
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
40	Bờ Tây sông Trẹm	Đầu kênh xáng (Đổi diện Đình Thần)	Kênh số 1	1,2
41	nt	Đầu kênh số 1	Bờ bao (Tiểu khu 14)	1,2
42	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,2
43	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Dân Quân (Xã Thới Bình)	1,2
44	Đường Lê Hoàng Thá	Trụ sở Công an huyện (Giáp kênh Chắc Bàng)	Rạch Ông	1,2
45	nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1,2
46	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Cầu Bà Đặng	Phòng Giáo dục (Giáp ranh xã Thới Bình)	1,2
47	Kinh Chắc Bàng (Bờ Tây)	Sau Công an huyện	Giáp xã Thới Bình	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



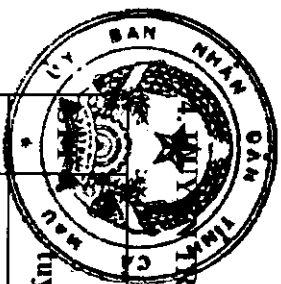
HUYỆN U MINH

 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)	
	Từ	Đến		
	(2)	(3)		(4)
1	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Cây Khô	Bờ Nam rạch Làng	1,4
2	nt	Bờ Bắc rạch Làng	Bờ Nam rạch Chùa	1,3
3	nt	Bờ Bắc rạch Chùa	Bờ Nam rạch Cỏ	1,4
4	Đổ Thửa Luông	Bờ Bắc rạch Cỏ	Bờ Nam Kênh 12	1,4
5	nt	Bờ Bắc kênh 12	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	1,4
6	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	Giáp ranh xã Khánh Thuận	1,4
7	Rạch Làng	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,4
8	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,4
9	Rạch chùa	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,4
10	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,4
11	Rạch Cỏ	Rạch Cỏ (Hai bờ Nam, Bắc)	Cuối rạch	1,4
12	Kênh 12	Dầu kênh 12 (Hai bờ Nam, Bắc)	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Kênh Giữa)	1,4
13	nt	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Bờ Nam)	Kênh Tư (LT2)	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
14	Kênh Tư	Bờ bao kênh 12	Bờ bao Kênh 15 (Kênh 16 cũ)	1,2
15	Kênh Giữa	Kênh Giữa (Hai bờ Đông, Tây)	Kênh 15	1,4
16	Phía Tây sông Cái Tàu	Ranh Nguyễn Phích	Kênh Hai Chu	1,4
17	Đường 30 tháng 4	Kênh Hai Chu	Hết đất ông Sáu Thuận (Cầu sông Cái Tàu)	1,4
18	nt	Hết ranh đất ông Sáu Thuận	Ngã 3 Chi Cục Thuế	1,3
19	Phía Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc kênh Tràm Soái	Kênh Sáu Nhiều (Giáp Khánh Thuận)	1,4
20	Kênh Hai Chu	Bờ Nam (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,4
21	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,3
22	Kênh Biện Nhị	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Hết ranh đất ông An	1,4
23	Kênh Biện Nhị	Hết ranh đất ông An	Kênh 30/4 (Giáp Khánh Lâm)	1,3
24	nt	Bờ Nam (Đầu kênh Công Nông)	Kênh Cây Bàng (Bờ Đông)	1,4
25	nt	Ngã ba Biện Nhị (Bờ Nam)	Cầu Công Nông	1,3
26	Huỳnh Quảng	Bên phải bến xe U Minh, khóm 3, thị trấn U Minh	Phía Tây liên cơ quan, khóm 3, thị trấn U Minh	1,4
27	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Ngã 3 Bưu điện	Cầu Hai Chu (Bờ Bắc) (Tên cũ: Cầu Hai Chu (Bờ Nam))	1,3



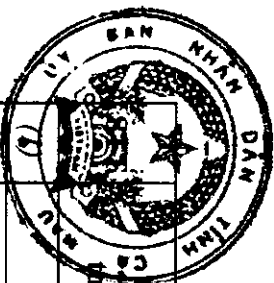
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
nt	Cầu Hai Chu (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	1,0
nt	Bờ Tây cầu Công Nông (Kênh Xáng)	Cầu B4	1,3
30	Lộ xe U Minh - Khánh Hội (Hai bờ Nam, Bắc)	Cống Cây Bàng	1,4
31	Tuyến lộ bao khóm 1, khóm 3	Đống Cây Bàng (Giáp Khánh Lâm)	1,3
32	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu Sông Cái Tàu)	Rạch Làng	1,4
33	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu kênh Biện Nhị)	Giáp ranh Bệnh viện Đa khoa U Minh	1,4
34	Khu dân cư khóm 3	Bờ Nam Kênh Tràm Soái	1,3
35	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 1)	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,4
36	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 2)	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,4
37	Kinh Chệt Buổi (Bờ Bắc)	Kênh 30/4 (Giáp xã Khánh Lâm)	1,4
38	Đổ Thừa Tự	Ngã 3 Toà án	1,2
Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,4
	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,4



TRẦN VĂN THỜI

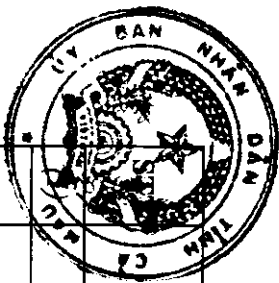
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Tuyến lộ dọc sông Ông Đốc	Vàm Trảng Cỏ	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	1,4
2	nt	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	1,3
3	nt	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	Cổng Rạch Ràng	1,3
4	nt	Cổng Rạch Ràng	Hết ranh Bến tàu Rạch Ràng	1,3
5	nt	Hết ranh Bến tàu Rạch Ràng	Hết ranh Hạng nước đá Toàn Phát	1,2
6	nt	Hết ranh Hạng nước đá Toàn Phát	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	1,2
7	nt	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	Nhà ông Năm Phó (Tên cũ: Vàm ông Bích Nhỏ)	1,2
8	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	1,2
9	nt	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	1,2
10	nt	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	Hết ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời (Bờ Bắc)	1,3
11	nt	Cầu Rạch Ràng	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	nt	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	Cầu Trảng Cò	1,2
13	nt	Cầu Trảng Cò (Trong đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1,2
14	Lộ Tắc Thù - Sông Đốc	Cầu Trảng Cò (Ngoài đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1,2
15	Bờ Nam Lộ Tắc Thù - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cổng Ông Bích Nhỏ	1,2
16	nt	Cổng Ông Bích Nhỏ	Hết ranh đất ông Sáu Minh	1,2
17	nt	Hết ranh đất ông Sáu Minh	Đường số 4	1,2
18	nt	Đường số 4	Giáp lộ nhựa Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Hết ranh đất Công an huyện)	1,4
19	Lộ Ô tô về xã Trần Hợi	Cầu treo dân sinh (Tên cũ: Cổng Rạch Ráng)	Cầu Rạch Ráng	1,0
20	nt	Cầu Rạch Ráng	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	1,0
21	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	Ngã ba Đồn Côi (Cầu EC)	1,2
22	nt	Ngã ba Đồn Côi (Cầu EC)	Hết ranh Thị trấn Trần Văn Thời (Bờ Tây)	1,2
23	Lộ Ô tô về Ngã ba Đồn Côi	Cổng Rạch Ráng	Hết ranh trường PTTH Trần Văn Thời (2 bên)	1,3
24	nt	Hết ranh Trường PTTH Trần Văn Thời	Đập kéo ngăn mặn	1,2
25	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ đông)	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	(2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
26	nt	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	Cầu Trung Ương Đoàn	1,2
	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Cầu Dân Sinh	Ngã tư Bưu Điện	1,0
27	Đường số 14 (Tên cũ: Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn)	Dài Truyền Thanh huyện (Hương Tây) (Tên cũ: Dài Truyền Thanh huyện)	Hết ranh trường cấp II (Tên cũ: Hết ranh trường cấp II (Hương Tây))	1,4
28	Các đoạn tuyến lộ trong khu dân cư hành chính	Đường số 1 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 1	1,3
29	nt	Đường số 2 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 2	1,2
30	nt	Đường số 3 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 3	1,2
31	Các đoạn tuyến lộ trong khu dân cư hành chính	Đường số 5 (Cầu xi măng phòng Kinh tế cũ)	Kênh đê lộ quy hoạch	1,3
32	nt	Đường số 6 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 6	1,0
33	nt	Đường số 7 (Ranh đất ông Hoàng)	Hết ranh đất ông Tuấn (Giáp kênh đê 2 bên)	1,0
34	nt	Đường số 8 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Tiếp giáp đường số 1	1,2
35	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Đường số 4 (2 bên) (Tên cũ: Đường số 4)	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	1,0
36	nt	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	Hết đường số 6 (Nhà ông tư Tia) (Tên cũ: Cầu Xi Măng ông Năm Bảo)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	nt	Đường số 1 (Nhà ông Chính bán tạp hoá) (Tên cũ: Đường số 1)	Đường số 2	1,2
38	nt	Đường số 2	Hết ranh đất ông Mười Dũng (Hướng Đông)	1,0
39	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Hết ranh đất ông Mười Dũng	Hướng Đông 500m	1,2
40	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Mốc 500m (Hướng Đông)	Rạch ông Bích nhỏ	1,2
41	nt	Đường số 3 (2 bên) nhà ông Huấn (Tên cũ: Đường số 3 [2])	Tiếp giáp đường số 1 (Tên cũ: Tiếp giáp đường số 1 [2])	1,0
42	nt	Đường số 02 (Vòng quanh)	Đường bên tàu Rạch Ráng (Ranh đất ông Mười Dũng)	1,0
43	nt	Khu dân cư (Cỏ Ba Dân) thuộc dự án khu thương nghiệp (Chưa có cơ sở hạ tầng)		1,2
44	nt	Các tuyến đường khu dân cư hành chính mở rộng (Chưa có cơ sở hạ tầng)		1,2
45	nt	Tuyến lộ Công an huyện giáp Viện Kiểm Sát (Tên cũ: Tuyến lộ giáp Công an huyện nhà ông Tư Quỳnh)	Ranh đất nhà ông Trần Quốc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Phan Quốc Hội)	1,2
46	nt	Ranh đất ông Xuyên (2 bên)	Giáp hàng rào Huyện ủy	1,2
47	nt	Ranh đất bà Bảy Hoa	Giáp hàng rào Huyện ủy	1,2
48		Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,0 - 1,5m		1,2



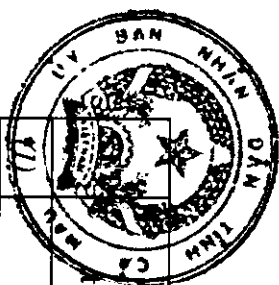
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
 (2)	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	(3)	(4)	(5)
		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
2. Thị trấn Sông Đốc				
49	Bờ Bắc Sông Đốc	Trạm kiểm soát Biên Phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu khóm 1	1,2
50	nt	Đất Khu xăng dầu Năm Châu khóm 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân khóm 1	1,2
51	nt	Đất Hăng nước đá Đồn biên phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4 khóm	1,2
52	nt	Đất Chi nhánh Bảo hiểm khóm 1	Hết ranh đất Chùa Bà K1	1,2
53	Bờ Bắc Sông Đốc	Ranh đất bà Trần Thị Thủy khóm 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiếp khóm 1	1,2
54	nt	Ranh đất bà Tạ Thị Liễu khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang khóm 2	1,2
55	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng khóm 2	Đầu Voi Rạch Bàng Ky	1,2
56	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đói (2 bên)	Ranh đất ông Chu Anh Thiện khóm 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo 19/5 khóm 1	1,2
57	nt	Hèm chùa Bà Thiên Hậu khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Bá Trường khóm 1	1,2
58	nt	Ao cá Hội nông dân khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Bắc khóm 1	1,2
59	nt	Hèm nhà ông Phan Công Nghĩa khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước khóm 1	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
60	nt	Hẻm nhà bà Lê Thanh Xuân nhóm 1	Hẻm nhà ông Trần Văn Thơ nhóm 1	1,2
61	nt	Ranh đất ông Liêu Văn An nhóm 1	Hết ranh đất ông Võ Văn Thắng nhóm 1	1,2
62	Bờ đồng dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan nhóm 2	Lăng Ông Nam Hải nhóm 2	1,2
63	Bờ đồng dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt nhóm 2	Hết ranh dây Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình nhóm 2	1,2
64	nt	Đất Trường THCS Sông Đốc II	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm nhóm 2	1,2
65	nt	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên nhóm 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân nhóm 2	1,2
66	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng nhóm 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng nhóm 2	1,2
67	nt	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình nhóm 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt nhóm 2	1,2
68	nt	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh nhóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng nhóm 2	1,2
69	nt	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng nhóm 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành nhóm 2	1,2
70	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí nhóm 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân nhóm 2	1,2
71	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi nhóm 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình nhóm 2	1,2
72	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình nhóm 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa nhóm 2	1,2



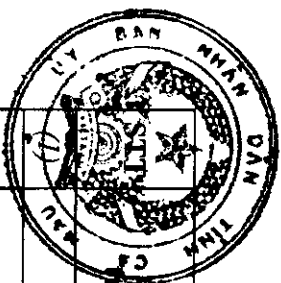
Đường, tuyến lộ, khu vực	(2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(3)		(4)	(5)
73	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền nhóm 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ nhóm 2	1,2
74	nt	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng nhóm 2	Hết ranh đất bà Thẩm nhóm 2	1,2
75	nt	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng nhóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lược nhóm 2	1,2
76	nt	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi nhóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống nhóm 2	1,2
77	nt	Cầu bê tông kênh Kiểm Lâm nhóm 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng nhóm 3	1,2
78	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đoit (2 bên)	Cổng rạch Bàng Ky nhóm 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	1,2
79	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhi nhóm 3	Hết ranh đất bà Dương Tuyết Phượng nhóm 3	1,2
80	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân nhóm 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế nhóm 3	1,2
81	nt	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy nhóm 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh nhóm 3	1,2
82	nt	Hẻm nhà ông Lê Hữu Năm nhóm 3	Hết ranh đất Chi nhánh cấp nước nhóm 8	1,2
83	nt	Trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà nhóm 7	1,2
84	nt	Ranh đất ông Lê Việt Hùng nhóm 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng nhóm 7	1,2
85	nt	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ nhóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu nhóm 7	1,2
86	nt	Hẻm nhà ông Phạm Thanh Bình nhóm 7	Hết ranh đất ông Trần Quốc Việt nhóm 7	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
87	nt	Ranh đất ông Đặng Văn Đang khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng khóm 7	1,2
88	nt	Hãng nước đá Quốc Dũng khóm 7	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy Khóm 7	1,2
89	nt	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy, Khóm 7	Hết ranh Hải Đội 2 khóm 7	1,2
90	nt	Ranh đất ông Cao Văn Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang khóm 7	1,2
91	nt	Ranh đất ông Phù Văn Chính khóm 7	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	1,2
92	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Ái khóm 7	Kênh xăng Nông trường khóm 7	1,2
93	Bờ đồng dọc theo kênh Xẻo Đới (2 bên)	Ranh đất Xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Phạm Thanh Diệu (khóm 7) (tên cũ: Kênh xăng Nông trường khóm 7)	1,2
94	nt	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc khóm 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan khóm 8	1,2
95	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương, khóm 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân khóm 8	1,2
96	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bò khóm 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm khóm 8	1,2
97	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng khóm 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân khóm 8	1,2
98	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến khóm 8	Hết ranh đất ông Hiên Khóm 8	1,2
99	nt	Kênh ông Trần Ngọc Lan, Khóm 8.	Về hướng Bắc: 250m	1,2



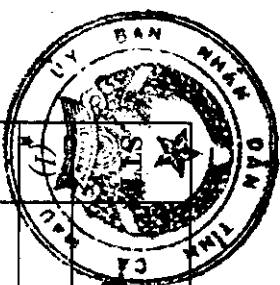
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)	
100	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Nam (Ranh đất ông Phạm Văn Nam)	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1,2
101	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng) (Tên cũ: Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng))	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành (khóm 8) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trọng)	1,2
102	nt	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	1,2
103	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thao khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
104	nt	Hèm nhà bà Lê Mai Thùy khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
105	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
106	nt	Hèm nhà ông Trần Hương Giang khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
107	nt	Hèm nhà ông Đặng Văn Vinh khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
108	nt	Kênh Cầu Dừa khóm 8	Về hướng Bắc 250m	1,2
109	nt	Ranh đất ông Kiều Minh Thành khóm 10	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,2
110	nt	Ranh đất ông Trần Văn Khấp khóm 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên khóm 10 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hùng khóm 10)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
111	nt	Đất ông Trần Ngọc Minh, khóm 10 (hai bên bờ kênh xáng nông trường) (Tên cũ: Ranh đất ông Trần Ngọc Minh khóm 10 (2 bên))	Giáp kênh Phú Lý (khóm 12) (Tên cũ: Kênh Cựa Gà, khóm 12)	1,2
112	nt	Hẻm nhà Ông Trần Văn Việt, khóm 10 (2 bên)	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,2
113	nt	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền, khóm 10	Hết ranh đất Phan Thị Giáp, khóm 10	1,2
114	nt	Kênh xã Thuận khóm 10	Về hướng Bắc: 250m	1,2
115	nt	Kênh Nhiều Đáo khóm 11	Về hướng Bắc: 250m	1,2
116	nt	Kênh Phú Lý khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,2
117	nt	Kênh Cựa Gà khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,2
118	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Bến đò kênh Rạch Ruộng khóm 10.	Cống Xã Thuận	1,2
119	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Cống Xã Thuận	Kênh Nhiều Đáo	1,2
120	nt	Kênh Nhiều Đáo	Kênh Phú Lý	1,2
121	nt	Kênh Phú Lý khóm 12 (Tên cũ: Kênh Phú Lý)	Kênh ranh xã Khánh Hải	1,2
122	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Kênh Bảy Thanh khóm 5	Hãng nước đá Hiệp Thành K5	1,4

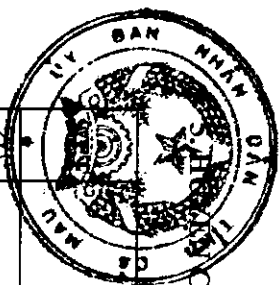


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
123	nt	Đất ông Trần Thanh Liêm nhóm 5	Kênh Rạch Vinh nhóm 5
124	nt	Hàng nước đá Hiệp Thành K5	Kênh Rạch Vinh nhóm 5
125	nt	Công ty KTDV Sông Đốc K4	Đầu vàm kênh Thầy Tư nhóm 4
126	nt	Kênh Xáng Cùng nhóm 6	Đê Trung Ương biển Tây K6
127	nt	Kênh Rạch Vinh nhóm 4	Cầu kênh Thầy Tư nhóm 4
128	nt	Cầu kênh Thầy Tư nhóm 4 (Tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng nhóm 4
129	nt	Kênh Rạch Vinh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả nhóm 5
130	nt	Miếu (Bờ Tây kênh Rạch Vinh)	Đê Tả nhóm 4
131	nt	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây) nhóm 4	Đê Tả nhóm 4
132	nt	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông) nhóm 4	Đê Tả nhóm 4
133	nt	Cầu kênh Xáng cùng nhóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả nhóm 6
134	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiên (Bờ Đông)	Đê Tả nhóm 6
135	nt	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả nhóm 6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
136	nt	Cầu kênh Xẻo Quao nhóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả nhóm 6	1,2
137	nt	Ranh đất bà Lê Thị Tươi nhóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1,2
138	nt	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt nhóm 6	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thủy nhóm 6	1,2
139	nt	Ranh đất ông Quách Hải Sơn (Thửa 65, tờ 36) nhóm 6	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	1,2
140	nt	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang nhóm 6	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên) nhóm 6	1,2
141	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Nhóm 6.	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên) nhóm 6	1,2
142	nt	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ nhóm 6	Hết ranh đất ông Hải	1,2
143	nt	Ranh đất ông Phan Văn Hùng nhóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Máy nhóm 6	1,2
144	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng nhóm 6	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng nhóm 6	1,2
145	nt	Khu dân cư Xẻo Quao nhóm 6 (Khu A)		1,2
146	nt	Ranh đất ông Lê Chí Nguyên - nhóm 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm	1,2
147	Các tuyến lộ Bé tổng trong thị trấn từ 1m - 1,5m			1,2
148	Hẻm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1,2
149	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND thị trấn (nhóm 7)	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc, (nhóm 10)	1,2



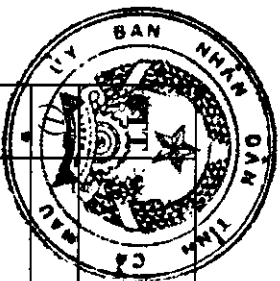
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
150	Hẻm	Ranh đất nhà bà Lê Chúc Mừng, xóm 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang, xóm 7	1,2
151	nt	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều, xóm 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chò, xóm 7	1,2
152	nt	Ranh đất nhà Ông Nguyễn Ngọc Chơn, xóm 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa, xóm 8	1,2
153	nt	Ranh đất nhà Vũ Ngọc Anh, xóm 8	Hết ranh đất Mai Thị Hiền, xóm 8	1,2
154	nt	Ranh đất nhà Phạm Thị Phương, xóm 8	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng, xóm 8	1,2
155	nt	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái, xóm 8	Hết ranh đất Phạm Văn Toại, xóm 8	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



CÁI NƯỚC

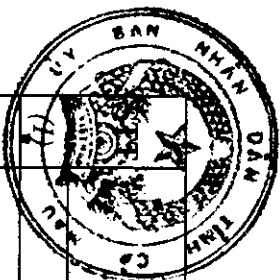
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường 19 - 5	Nghĩa trang (Mé sông Lô Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1,3
2	nt	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chi huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	1,4
3	nt	Hết ranh Ban Chi huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	Đầu lộ Phú Mỹ	1,3
4	Đổi diện đường 19 - 5 (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Đổi diện hết ranh Nghĩa trang	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	1,2
5	Đường Hồ Thị Kỳ (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	Đoi Văn hóa (Bia tưởng niệm)	1,2
6	Khu Kiốt	Khu Kiốt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiốt	1,2
7	nt	Khu Kiốt (Chưa xây, sau nhà lồng chợ)	Hết khu Kiốt	1,2
8	Đường 30 - 4	Lô Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 2A, 2B, 2C, 2D (Nhà ông Ba Liên))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hẻm số 2 (Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Mục))	1,2
9	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7A (Hẻm số 2 Bình Mính))	Cầu Văn hóa	1,3
10	nt	Cầu Văn Hoá (Tên cũ: Từ Lô 7C (Cầu Văn Hóa))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,2
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 3A (Dãy Quán lý thi trường))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lộ)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4D, 4E (Dãy nhà ông Hùng, ông Thuấn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,4
13	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6C, 6D, 6E, 6I (Nhà ông Tăng, ông Hiền))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hết 4 lô)	1,4
14	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7B2 (nhà Ông Lùng))	Nhà ông Út Anh (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,2
15	nt	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Lô 7A1, 7A2 (Nhà Ông 10 Quang))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô (Hết nhà ông Chiến))	1,4
16	Đường 2-9 (nối dài) (Tên cũ: Đường 2-9)	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Từ lô 7B3 (Nhà Ông Sang))	1,2
17	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6F, 6G (Dãy nhà ông Minh, đối diện))	Đường 3-2 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,4
18	nt	Đường 3-2 (Tên cũ: Lô 3B (Dãy nhà Út Em))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1,2
19	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4F, 4G (Dãy nhà bà Anh, 6 Luôn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,4
20	Đường Phan Ngọc Hiền (Tên cũ: Phan Ngọc Hiền)	Hết đất ông 10 Ôn (Tên cũ: Lô 1A, 1B, 1D)	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hết 3 lô)	1,4
21	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Khối Vụn)	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	1,4
22	nt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến (Tên cũ: Đối diện đầu lộ Phú Mỹ)	1,0



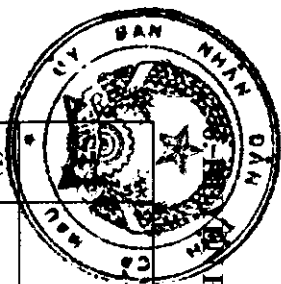
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
23	Hẻm số 1	Đường 30-4 (Tên cũ: Lô 6B)	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết 10)	1,4
24	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4B, 4C)	Đường 1-5 (Tên cũ: Hết 2 10)	1,4
25	Hẻm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	1,2
26	Hẻm số 3	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 7C1 (Tỉnh cả hai bên sau hậu bến tàu))	Cuối Hẻm số 3 (Tên cũ: Hết 10)	1,4
27	nt	Cuối hẻm số 3 (Vòng qua đất ông Út Ấu) (Tên cũ: Cuối hẻm (Vòng qua đất Út Ấu))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,4
28	nt	Cuối Hẻm số 3	Đường 2-9	1,2
29	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cai Nước - Tân Duyệt)	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	1,4
30	nt	Đường 30-4 (Tên cũ Lô 4A (Giáp nhà 3 Liên))	Đường 2/9	1,2
31	nt	Đường 2-9 (Tên cũ Lô 6A (Đường 2/9))	Đường 1/5	1,4
32	nt	Đường 1-5 (Tên cũ Lô 6H (Đường 1/5))	Đập Cây Hương	1,4
33	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Dại	1,4
34	nt	Đường Vành Dại	Đập Ông Phụng	1,3
35	Khu đất tiếp giáp lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cai Nước - Tân Duyệt)	Lộ Tân Duyệt (đất ông Trần Nam) (Tên cũ: Lô: 1A', 1B', 1C)	Đường 3-2 (đất ông Ngô Văn Tuyển) (Tên cũ: Hết 3 10)	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Đối diện lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Đối diện lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đường Phan Ngọc Hiến (Tên cũ: Cầu Lương Thực)	Đường 2-9	1,3
37	nt	Đường 2/9	Đường 1/5	1,2
38	nt	Đường 1/5	Đập Cây Hương	1,2
39	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Đai	1,2
40	nt	Đường Vành Đai	Đập Ông Phụng	1,2
41	Lộ Gòòn	Đầu kinh Láng Tượng	Quốc lộ 1A	1,4
42	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc Lộ 1A (Phía Nam: Tòa án)	Đường 19/5	1,4
43	nt	Quốc Lộ 1A (Phía Bắc: Bệnh viện)	Đường 19/5	1,0
44	Đường Vành Đai	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòòn)	Cầu Vành Đai	1,4
45	nt	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1,0
46	Đối diện đường Vành Đai	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòòn)	Cầu Lộ Hãn (Tên cũ: Cầu Vành Đai)	1,3
47	nt	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1,2



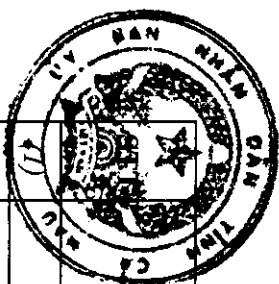
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
48	Hai bên bờ sông Cai Nước	Hai bên bờ sông từ Dền thờ Bác (Tên cũ: Hai bên bờ sông từ Phú thờ Bác)	Đầu kênh Sư Thông	1,4
49	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đầu kênh Lăng Tượng	1,2
50	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương	Hết khu dân cư Cây Hương	1,2
51	Khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Khu Lương Thực cũ)	Khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Lô 8C4, 8C5, 8C6 (Ranh đất ông Huỳnh, ông Cách))	Hết ranh khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Hết 3 lô)	1,2
52	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Khu Văn hóa)	Tương dài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	1,2
53	nt	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	Hết ranh lò giết mổ	1,4
54	nt	Hết ranh lò giết mổ	Cầu Vành Đại	1,4
55	Lộ Cai Nước - Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sư Thông	1,4
56	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đập Cây Dương	1,0
57	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa trang	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	1,4
58	nt	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	Hết ranh cây xăng Kim Minh	1,4
59	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	1,3
60	nt	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	Giáp ranh xã Trần Thới	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Khu tập thể bệnh viện (tiếp giáp Đường 1-5, đoạn số 01) (Tên cũ: Khu tập thể bệnh viện)			1,4
62	Khu dân cư Tân Duyệt (Tiếp giáp lộ Tân Duyệt, đoạn số 34)			1,2
63	Lộ bê tông (Tên cũ: Lộ bê tông (Thị trấn Cái Nước))	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Giáp ranh trạm y tế)	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	1,4
64	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hạng nước đá 6 Bình)	Cầu 5 Bương	1,4
65	Thị trấn Cái Nước	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0



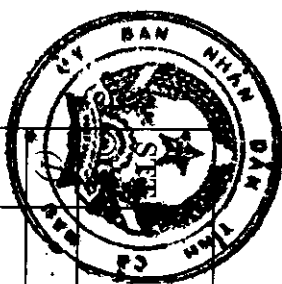
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyễn Việt Khai	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	1,5
2	nt	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	1,5
3	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	1,5
4	nt	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,5
5	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	1,4
6	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1,5
7	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	Cách mạng tháng 8	1,5
8	nt	Cách mạng tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	1,3
9	nt	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hàng nước đá Tấn Đạt	1,5
10	nt	Hết ranh hàng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1,5
11	nt	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1,5
12	nt	Cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1,5
13	nt	Ranh đất hạt Kiểm Lâm	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Hẻm Nhà Lòng Chợ	Ranh đất ông Luân Giúp	Hết ranh đất Hứa Thị Kim Yên	1,5
15	Hẻm	Hẻm trường Tiểu học I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,5
16	Hẻm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	1,5
17	Tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	Cách đầu cầu Kiểm lâm cũ phía Tây: 30m	Cách đầu cầu Kiểm lâm mới: 30m	1,5
18	Lộ Công an	Hẻm Đông y (Lộ Công an)	Trường Mẫu giáo phía sau	1,5
19	Lộ Công an	Trường mẫu giáo phía sau (2 bên)	Lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,5
20	Lộ Công an	Hẻm Đông y (Lộ Công an)	Trụ sở Viện Kiểm Sát cũ	1,5
21	Khu Hành chính tạm (Khóm 1)			1,5
22	Kém Khu chữ U	Ranh đất ông Đỗ Lìl	Cầu Cơi 5	1,5
23	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa khóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1,5
24	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi vằm	Cầu dự án (Kênh Làng Cá) (2 bên)	Đồn Biên phòng Cái Đôi vằm (Phía sau)	1,5
25	Khu tiểu thủ công nghiệp			1,5
26	Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sứ	Đầu Kênh Lô 2	1,5

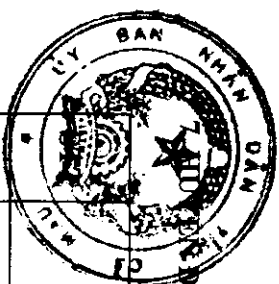


	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(41)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	Đầu kênh Bảy Sứ - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sứ	Cây ăng teng (Đê Tây)	1,5
28	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	1,5
29	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu đê Tây	1,5
30	Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu Kênh Lô 1	1,5
31	Lộ dọc sông Cái Đôi Vàm	Đầu Kênh Lô 1	Hết đất ông Huỳnh Phước Thiện	1,5
32	Dọc sông Cái Đôi Vàm	Ranh đất ông Huỳnh Phước Thiện	Hết ranh đất ông Trịnh Minh Hiện	1,5
33	Kênh Lô 1	Đầu Kênh Lô 1 (Phía Tây)	Hết đất ông Tám Biểu	1,5
34	Kênh Lô 2	Đầu lộ Lô 2 (Phía Đông) (Đầu Kênh Lô 2)	Kênh Tập đoàn 34	1,5
35	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	1,5
36	nt	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	1,5
37	Cách Mạng tháng Tám	Ranh đất ông Ứng A Chiến (Phía sau)	Đường Phan Ngọc Hiện	1,5
38	Phan Ngọc Hiện	Cầu dự án	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	1,5
39	nt	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
40	nt	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1,5
41	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	1,5
42	nt	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu Kênh 90	1,5
43	Tuyến kênh Kiểm Lâm	Đầu cầu Kiểm lâm cũ (Phía Đông)	Đầu cầu Kiểm Lâm mới (Phía Đông)	1,5
44	Lộ dọc sông Cái Đôi Vàm	Cầu Kiểm Lâm cũ	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	1,5
45	nt	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	Đầu Kênh 90	1,5
46	Kênh Năm Nhung	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiển	1,5
47	Tuyến kênh Kiểm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,5
48	Khu Công ty Cadovimex	Tiệm chụp hình Dũng	Trụ sở khóm II	1,5
49	nt	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,5
50	nt	Tuyến sau Công ty CaDovimex	Kênh Lăng Cá	1,5
51	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thu Nguyệt	1,5
52	nt	Ranh đất ông Danh Hồng Vĩnh (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,5
53	nt	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,5



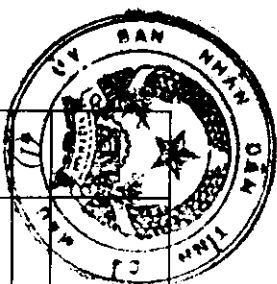
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
54	Hẻm	Cầu Làng Cá	Cầu Dư án
55	Khu hành chính huyện mới		Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Vàm
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ
			Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ
			1,3
			1,3
			1,3



Huyện Đoàn Dơi

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(1)	(3)	(4)	(5)
1	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Cây Dương	Ngô Bình An	1,2
2	nt	Ngô Bình An	Hết ranh trường THCS Thị trấn	1,2
3	nt	Ranh trường THCS Thị trấn (Tên cũ: Hết ranh trường THCS Thị trấn)	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	1,2
4	nt	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	1,2
5	nt	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	1,2
6	nt	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	Đập Tư Tính (Giáp ranh xã Tân Duyệt)	1,2
7	Đường 30/4	Cổng ngã tư Xóm Ruộng	Giáp ranh Chi nhánh điện	1,3
8	nt	Chi nhánh điện	Đường 19/5	1,2
9	nt	Đường 19/5	Cầu Rạch Sao	1,2
10	nt	Cầu Rạch Sao	Trần Phán	1,2
11	Đường 30/4	Trần Phán	Về hướng Cầu thầy Chương: 500 mét	1,4
12	nt	Trần Phán + 500 m	Cầu thầy Chương	1,4
13	Đường 19/5	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	nt	Phạm Minh Hoài	Đường 30/4	1,2
15	Phía sau trường cấp II, III	Đường 19/5	Ranh trường cấp II	1,2
16	Phạm Minh Hoài	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,2
17	Trần Văn Phú	Ngã tư Sông Đầm	Dương Thị Cẩm Vân	1,2
18	nt	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
19	Trần Văn Phú	Lưu Tấn Thành	Đường 30/4	1,0
20	Lưu Tấn Thành	Trần Văn Phú	Nguyễn Mai	1,0
21	Nguyễn Mai	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
22	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,2
23	Trần Kim Yến	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
24	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,2
25	Huỳnh Kim Tấn	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
26	nt	Lưu Tấn Thành	Nguyễn Tạo	1,2
27	Tô Văn Mười	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,2

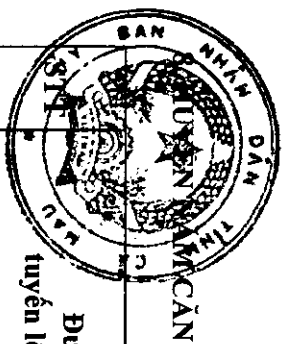


	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28	Trần Văn Bảy	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,2
29	Nguyễn Tạo	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,0
30	Huỳnh Ngọc Diệp	Trần Văn Phú	Chợ nhà lòng mới	1,2
31	Nguyễn Văn Tiến	Trần Văn Phú	Chợ nhà lòng mới	1,2
32	Phạm Học Oanh	Đầu chợ nhà lòng cũ	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	1,2
33	nt	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	Hết ranh đất Xi nghiệp chế biến thủy sản (Mê sông)	1,2
34	Thái Thanh Hòa	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,2
35	Trần Phan	Đường 30/4	Cầu Chín Dư	1,0
36	Trần Văn Hy	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,2
37	Quách Văn Phẩm	Huỳnh Kim Tấn	Đường 19/5	1,2
38	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Dương	Hết ranh Vườn thuộc Nam Hội Đông y	1,2
39	nt	Hết ranh Vườn thuộc Nam Hội Đông y	Ngã tư Xóm Ruộng	1,2
40	nt	Đường 30/4	150m về hướng Đập Chóp Mao	1,2
41	nt	Đường 30/4 + 151 m	Đập Chóp Mao	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	nt	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (Theo sông Rạch Sao)	1,2
43	nt	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao I	1,2
44	nt	Cầu Rạch Sao I	Cầu Rạch Sao II	1,2
45	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu thầy Chương	1,2
46	Tô Thị Tề	Phan Ngọc Hiển (Cầu Huyện Đội)	Tạ An Khương (Nhà Út Oanh)	1,0
47	nt	Tạ An Khương	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	1,2
48	Tô Thị Tề	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	Cầu Cá Bạt	1,2
49	Phan Ngọc Hiển	Tô Thị Tề	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	1,2
50	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	Nhà bà Trần Thị Cót	1,2
51	nt	Tô Thị Tề (Chạy theo sông Lung Lắm)	Tạ An Khương	1,2
52	Tạ An Khương	Cầu Sông Đầm	Ngã tư Tô Thị Tề	1,2
53	nt	Ngã tư Tô Thị Tề	Cầu Tô Thị Tề (Lung Lắm)	1,2
54	nt	Lê Khắc Xương (Cầu Tô Thị Tề)	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	1,2
55	nt	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	1,2

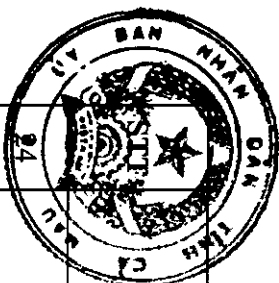


 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K) (5)
	Từ		Đến	
	(2)	(3)	(4)	
56	nt	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	Cầu Lô 17	1,0
57	Lê Khắc Xương	Trường Phùng Xuân	Cầu Giáp Nước	1,0
58	Trường Phùng Xuân	Lê Khắc Xương	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	1,2
59	nt	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	Cầu lô 18	1,2
60	nt	Cầu lô 18 (Khóm 5)	Ngã ba lô 18 (Giáp ranh xã Tà An Khương Nam)	1,2
61	Trường Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Giáp ranh xã Tà An Khương Nam	1,2
62	nt	Cầu Cây Dương	Ngã tư xóm Ruộng (Giáp ranh xã Tà An Khương)	1,2
63	Cầu Cây Dương đầu nối 30/4	Cầu Cây Dương	Lô 30/4 đi Cà Mau	1,2
64	Ngô Bình An	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,0
65	Tuyến khác	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tà An Khương Nam)	1,4
66	Đường vào trường tiểu học	Phan Ngọc Hiến	Hết ranh trường tiểu học	1,2
67	Đường phía sau trường THPT Dân Dời	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



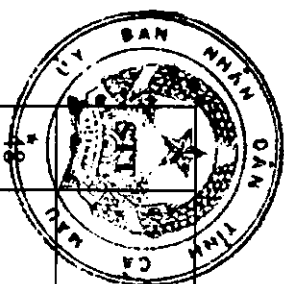
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tĩnh	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	1,2
2	nt	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	- Hường Đông đến đường Châu Văn Đăng - Hường Tây đến hết quán Lá	1,2
3	Khóm 9	Đầu Vàm kênh xáng Quốc phòng (tên cũ: Ranh đất ông Lý Quang)	Hết ranh đất ông Tô Văn Xén	1,2
4	nt	Ranh đất ông Sáu Dũng	Cầu Ngọn Phi Xăng (tên cũ Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Na)	1,0
5	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến (Tên cũ: Giáp đường Nguyễn Tất Thành - Năm Căn)	Hết ranh Trường THCS TT.	1,2
6	Đường Châu Văn Đăng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành - Đê ngăn triều cường)		1,4
7	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Hết ranh đất Trại xưởn Thanh Điều 2	1,2
8	Khóm 8	Lô mé sông Hạt Kiểm Lâm	Cầu Công an	1,2
9	nt	Cầu Công an	Hết ranh đất Trường Mầm Non	1,2
10	nt	Cầu Công an (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Chánh)	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
11	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện		1,2
12	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Đường xuống cầu Bệnh viện	1,2
13	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	1,2
14	nt	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	Đường Lý Nam Đế	1,2
15	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	1,4
16	nt	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	Đầu đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Hết ranh đất nhà may Hào)	1,2
17	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất nhà may Hào	Đường Nguyễn Tất Thành	1,2
18	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Cầu kênh Tắc	1,2
19	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Nam Đế	Ngã tư (Bưu điện) hướng Tây	1,2
20	Đường Hùng Vương	Ngã Tư (Bưu điện)	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Bắc)	1,2
21	Đường Hùng Vương	Ngã tư bưu điện	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Nam)	1,2
22	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		1,2
23	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,2



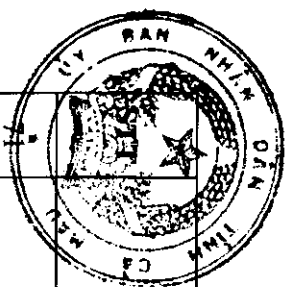
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		1,2
Khóm 2	Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà (Tên cũ: Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà - Hết ranh đất ông Vũ Thuộc Bắc)		1,2
nt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Lâm (Hẻm nhà ông Ba Châu)	1,2
Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Châu Văn Đăng	Giáp ranh đất Bệnh viện	1,2
nt	Giáp ranh đất Bệnh viện	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	1,2
nt	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	Ngã Tư Bưu điện (Hương Đông)	1,2
Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành (ngã tư bưu điện)	Cầu kênh Xáng	1,2
Khóm 4	Nhà ông Phan Bá Dương (Tên cũ: Ranh đất ông Dương (Bưu điện))	Đé ngàn triệu cường (Tên cũ: Cầu nhà bà Hải)	1,2
Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trung (2 bên)	1,2
Đường Lý Nam Đế	Ngã ba nhà ông Trung	Ranh đất ông Tiến (Thuốc nam)	1,0
Đường Lê Văn Tám	Đường Lý Nam Đế	Đường Hùng Vương	1,2
Khóm 6	Cầu Kênh Xáng	Đường Châu Văn Đăng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Nam Dân (Kiệt))	1,0
nt	Khu tái định cư kênh xáng Nhà Đèn		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
37	Khóm 4	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường (Tên cũ: Giáp với cống thoát nước kênh xáng Nhà Đền)	1,0
38	nt	Ngã ba khu tập thể giáo viên trường THCS Phan Ngọc Hiển (Tên cũ: Ngã ba khu tập thể giáo viên)	Đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Cống thoát nước kênh xáng (Đập))	1,0
39	nt	Đường Hùng Vương	Khu nhà tình nghĩa (Cấp UBND thị trấn Năm Căn)	1,2
40	Khóm 6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,3
41	Khóm 4	Các tuyến còn lại trong nhóm 4, Thị trấn		1,4
42	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hoàng (Tên cũ: Hết ranh đất Bà Cúc)	1,2
43	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Lê Chí Khắc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Khắc)	1,2
44	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư bưu điện	Bến phà sông Cửa Lớn (Tên cũ: Bến tàu sông Cửa Lớn (2 bên))	1,2
45	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1,2
46	Đường Kim Đồng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Hùng Vương - Đường Võ Thị Sáu)		1,2
47	Khóm 7	Đường Nguyễn Tất Thành (Bến phà sông Cửa Lớn) (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành (Hết ranh đất ông Toàn))	Hết ranh đất ông Tô Hoàng Cương	1,2



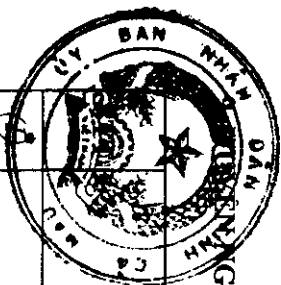
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
nt	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,2
nt	Đường Nguyễn Tất Thành	(Hết ranh đất ông Trần Văn Trọng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hứa Việt Thành))	1,2
Khóm 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Tuyên	1,0
Khóm 7 (Tên cũ: Khóm 1)	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Ranh đất ông Bùi Văn Chương)	Hết ranh đất Thái Hồng Lam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Kiệt)	1,2
Đường 13/12	Toàn tuyến (Tên cũ: Dầu lộ Tương dài - Giáp đường Hùng Vương)		1,2
Khóm 1	Đường 13/12	Đường Nguyễn Tất Thành (Tên cũ: Cổng Lâm Sơn cũ)	1,2
Khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Dẹp (Tên cũ: Ranh đất ông Tám Mừng)	Giáp trại giống ông Nguyễn Tương Phùng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hân)	1,2
Khóm 1	Hết khu vực I khóm 1 (Sau khu hành chính huyện)		1,2
Khóm Hàng Vĩnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (Tên cũ: Rạch ông Do (2 bên))	1,2
nt	Cầu Ông Do	Vàm Ông Do	1,2
nt	Ranh đất bà Lê Thị Hoa	Hết ranh đất ông Lê Văn Phước	1,2
nt	Ranh đất ông Trịnh Hoàng Chiến	Hết ranh đất ông Diệp Văn Khênh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
60	Khóm Hàng Vính	Ranh đất Phan Hồng Phúc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngạn	1,0
61	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tý	Hết ranh đất ông Cao Thanh Bình	1,0
62	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Tắc	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1,2
63	nt	Ngã 3 khu tập thể CTXNKTS Năm Căn (Tên cũ: Ranh đất ông Phạm Đình Tráng)	Hết ranh đất Khóm 3 (Tên cũ: Hết khóm 3 (Lộ xi măng))	1,2
64	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Huyện đội	1,2
65	Đường Hùng Vương	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	Hết ranh đất ông Phạm Đình Tráng	1,2
66	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Sứa)	1,2
67	nt	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Cầu sắt cặp theo sông Cái Nai)	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Lê Hồng Lâm)	1,2
68	Đường Hùng Vương	Ranh đất khóm 3	Cầu Xẻo Nạn	1,2
69	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Ranh đất bà Tùng Diễm)	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Ba Tuấn)	1,2
70	nt	Hết khu vực đây 19 căn		1,3



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
Khóm Sa Phô	Giáp khóm 5	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Khanh	1,2
nt	Ranh đất ông Lê Anh Kiệt	Hết ranh đất ông Huỳnh Đen	1,0
nt	Ranh đất ông Trần Hôn Lén	Hết ranh đất ông Nguyễn Việt Tri	1,0
nt	Ranh đất ông Trương Hoàng Việt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1,0
nt	Ranh đất ông Đinh Văn Tho	Hết ranh đất ông Trần Văn Dấu	1,0
Khóm Sa Phô	Vàm Xẻo Nạn	Vàm Xẻo Cặp (Ngoài đất Lâm Trường)	1,2
Khóm 5	Cầu Xẻo Thùng	Cầu Kênh Cùng	1,0
nt	Cầu Kênh Cùng	Hết ranh đất ông Trịnh Hên	1,2
Khóm 5	Đầu lộ Trạm y tế	Trụ sở SalaTen (Tên cũ: Đầu lộ xóm Dân tộc Khome)	1,0
nt	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Hết ranh đất ông Châu Phén	1,2
nt	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Giáp sông Xẻo Nạn	1,2
nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quốc	Hết ranh đất ông Trần Minh Phụng	1,2
Khóm Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Nguyễn Bé Bảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Có	1,2

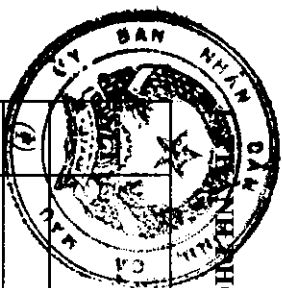
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
84	nt	Ranh đất ông Hoàng Anh Đức	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,2
85	Khóm Cái Nai	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tỉnh 2	1,2
		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lộ bê tông	Cầu kênh Ba	Cầu ông Tư Lang	1,0
2	nt	Cầu ông Tư Lang	Hết ranh đất Đồn Biên Phòng 676	1,0
3	nt	Cầu kênh Ba	Cầu kênh Ngang	1,2
4	nt	Cầu kênh Ngang	Cầu Tà Hậu	1,0
5	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Cà Tháp	1,2
6	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Ông Nam	1,2
7	nt	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	1,2
8	nt	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,2
9	nt	Cầu Tà Hậu	Kênh Nước Lộn	1,2
10	, nt	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Dặm	1,2
11	nt	Tuyến đường số 14, 15, 16 theo quy hoạch (Từ đầu lộ Bưu điện đến nhà Lò ông chợ)		1,2
12	nt	Cầu Kênh Ngang	Kênh Kiều	1,2
13	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Kênh Ba (cầu dân sinh) (Tên cũ: Cầu Kênh Ba)	Kênh ông Nam	1,2

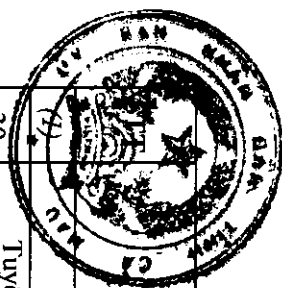
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	nt	Kênh ông Nam	Kênh Huế	1,2
15	nt	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,2
16	Lộ cấp VI đồng bằng	Trung tâm dạy nghề	Cầu ông Định (Sáu Hà)	1,2
17	nt	Cầu Kênh ba mới	Bến phà sông Đường kéo	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN



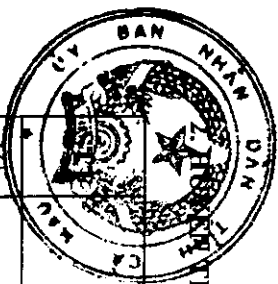
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lộ Công Cà Mau - Ô rô - Cầu số 3	Quốc Lộ 63	Ranh phường Tân Xuyên	1,2
2	Quốc lộ 63	Cầu số 2	Cách cầu số 3: 300m	1,2
3	nt	Cách cầu số 3: 300m	Cầu số 3	1,4
4	Lộ GTNT (xã An Xuyên)	Cầu số 3	Vàm Cai Giã (Giáp ranh phường Tân Xuyên)	1,2
5	nt	Cổng số 2	Đập Xóm Làng (Kênh xáng Phụng Hiệp)	1,2
6	Kênh xáng Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1,2
7	Kênh xáng Cai Nhúc	Ranh Phường Tân Thành	Tắc Vân (Đi qua ấp Bình Định)	1,2
8	Quốc lộ 1A	Ranh tỉnh Bạc Liêu	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	1,0
9	nt	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	1,4
10	nt	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	Hết ranh cổng Phân Viện	1,4
11	nt	Hết ranh cổng Phân Viện	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	1,4
12	nt	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	Ranh xã Định Bình	1,4
13	nt	Ranh xã Định Bình	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	1,4
14	nt	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	Hết Nhà máy Nhiệt điện	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)			(5)
15	Quốc lộ 1A	Hết Nhà máy Nhiệt điện	Ranh phường 6	1,4
16	Quảng lộ Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1,2
17	Nguyễn Tất Thành	Cổng Hội đồng Nguyên	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	1,4
18	nt	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Đường vào Đình Thanh Phú	1,4
19	nt	Đường vào Đình Thanh Phú	Cổng Bà Điều	1,4
20	nt	Cổng Bà Điều	Cầu Lương Thế Trân	1,4
21	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,2
22	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
23	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
24	Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường 8	Sông Gành Hào	1,0
25	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Ranh phường 7	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	1,2
26	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	Hết ranh UBND xã Hòa Thành	1,2
27	nt	Hết ranh UBND xã Hòa Tân (Cầu Hòa Tân - Hòa Thành)	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	1,2
28	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	Ranh xã Định Bình	1,2
29	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã tư UBND xã Định Bình	1,2



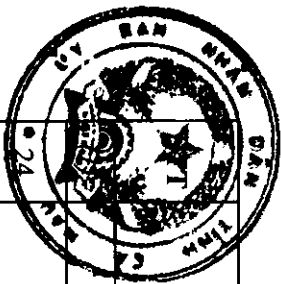
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
30	Tuyến Ô tô về trung tâm xã Định Bình	Ngã tư UBND xã Định Bình	Cầu liên xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2
31	Tuyến Cầu Lả Danh	Trạm y tế	Cầu Lả Danh	1,2
32	Lộ nhựa (Xã Hòa Tân)	Ngã tư Trạm Y tế xã Hòa Tân	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2
33	Tuyến Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Trường Tiểu học Hòa Tân 1(Khu B)	1,2
34	Lộ GTNT (Xã Hòa Tân)	Cổng Giồng Nổi	Kênh Cái Su	1,2
35	nt	UBND xã Hòa Tân	Cổng Xã Đạt	1,2
36	nt	Kênh Cái Tắc	Kênh Trâm Bầu	1,2
37	nt	Sông Trại Sập	Kênh Cái Tắc	1,2
38	Đường lộ tẻ đi vào xóm Gò Muồng thuộc ấp 3, xã Tắc Vân (Cạnh Tổng kho xăng dầu, hiện trạng lộ trắng xi măng rộng 2m), đoạn Quốc lộ 1A - Cầu Trắng, có độ dài 500m			1,2
39	Đường Cà Mau - Hòa Thành (Mới)	Cổng Hòa Thành	Bến phà đi Dầm Dơi	1,2
40	nt	Bến phà đi Dầm Dơi	Cầu Cái Su	1,2
41	Lộ GTNT (Xã Hòa Thành)	Cầu Giồng Nổi	Kênh Cây Tư	1,2
42	nt	UBND xã Hòa Thành (Giáp đường Cà Mau - Hòa Thành)	Cổng Xã Đạt	1,2
43	Lộ GTNT (Xã Hòa Thành)	Trường THCS Hòa Thành	Cầu Ròng (Cầu Hòa Tân A)	1,2
44	Kênh cầu Nhum	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
(1)	(2)	Từ (3)	Đến (4)	(5)	
45	Rạch Cái Ngang (Hòa Thành) (Tên cũ: Rạch Cái Ngang)	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)			1,2
46	Lộ Cây Dương	Cầu Cái Su (Đi qua ấp Bình Thành, xã Định Bình)	Áp 4, xã Tắc Vân		1,2
47	Các tuyến lộ bê tông từ 2m - 2,5 m (Xã Định Bình)				1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			1,2



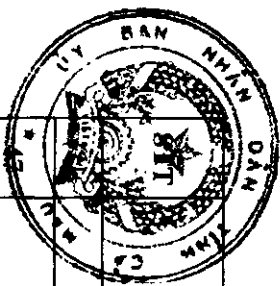
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Biển Bạch				
1	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bàng	Kênh 12 + 500m	1,2
2	nt	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	1,2
3	nt	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	1,2
4	Lộ Thới Bình - Tân Bàng nối dài (Lộ đất)	Giáp ranh xã Tân Bàng	Rạch Ngã Bát	1,2
2. Xã Tân Bàng				
5	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh Năm	1,2
6	nt	Kênh Năm	Kênh Sáu	1,2
7	nt	Kênh Sáu	Kênh Bảy	1,2
8	nt	Kênh Bảy	Kênh Chín	1,2
9	nt	Kênh Chín	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,2
10	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bàng	Kênh Ba+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh Bảy Tân Bàng	1,2
11	Khu tiêu thụ công nghiệp thuộc bờ Tây Sông Trẹm	Kênh 11	Hết ranh Chùa Hưng Hạnh Tự	1,2
12	Lộ Thới Bình - Tân Bàng nối dài (Lộ đất)	Kênh Bảy Tân Bàng	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Lộ Kênh 6 – Rạch Giữa	Cầu treo	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1,2
14	Lộ Vàm Thiệt (bờ Bắc)	Sông Trẹm	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1,2
3. Xã Biển Bạch Đông				
15	Bờ Đông sông Trẹm	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m	1,2
16	nt	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	1,2
17	nt	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	1,2
18	nt	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	Giáp ranh xã Tân Bằng	1,2
19	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,2
20	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Ba Chùa	Kênh Ba + 120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	1,2
21	Lộ nhựa dọc theo kênh Sáu La Cua bờ Bắc	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh 9 (Giáp xã Trí Lực) (Tên cũ: Kênh 7 (Giáp xã Trí Lực))	1,2
4. Xã Trí Lực				
22	Tuyến kênh 30	Kênh 8 (Bờ Đông), áp Phù Thờ	Kênh 7	1,2
23	nt	Phù Thờ Bắc (Bờ Đông)	Hết ranh Trường trung học cơ sở Trí Lực	1,2



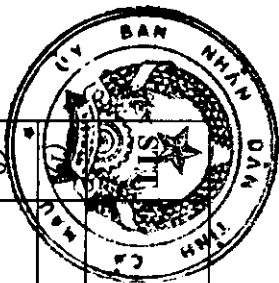
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
nt	Kênh 7, ấp 9 (Bờ Bắc)	Kênh 8 (Bờ Bắc)	1,0
Tuyến kênh 7	Chợ xã ấp Phú Thờ (Bờ Đông)	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiện	1,2
nt	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiện	Kênh Dầu Ngàn (Giáp ranh xã Trí Phải)	1,2
Kênh 7	Giáp kênh 30, ấp 9 (Bờ Đông)	Hết ranh Trạm y tế xã Trí Lự	1,2
Lộ nhựa Trí Lự đi Biển Bạch Đông	Đầu cầu bờ Tây kênh 30	Kênh 9 giáp ranh Biển Bạch Đông	1,2
5. Xã Trí Phải			
Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Lâu	1,2
Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Kênh Lâu	Hết Ranh nhà máy đường cũ	1,2
nt	Hết Ranh nhà máy đường cũ	Quốc lộ 63 (Bao gồm cả khu chợ)	1,2
Quốc lộ 63	Ranh Hát (Giáp tỉnh Kiên Giang)	Cổng Nam Đông	1,0
nt	Cổng Nam Đông	Cầu Trí Phải + 500m	1,0
nt	Cầu Trí Phải + 500m	Cầu Trí Phải	1,2
nt	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	nt	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải + 100m	1,2
37	nt	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải + 100m	Cổng Cây Gừa (Giáp ranh Tân Phú)	1,2
38	Cầu Trí Phải (Kênh xáng Chợ Hội, bờ Bắc)	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 300m	1,2
39	Kênh xáng Chác Bàng, bờ Bắc	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	1,2
40	nt	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lầu	1,2
6. Xã Thới Bình				
41	Lộ Rạch Bà Dặng	Hết ranh Thị trấn Thới Bình (Bờ Nam)	Kênh Tân Phong (Ngã tư Ngọn Cai)	1,2
42	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Cầu Bà Hội + 100m	Cổng Thới Hòa	1,2
43	nt	Cổng Thới Hòa	Giáp ranh xã Tân Lộc	1,2
44	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Cổng xã Thới Bình	1,2
45	nt	Cổng xã Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	1,2
46	Tuyến Kênh Hai Ngó	Đầu kênh Hai Ngó	Ngã tư Đồng Sậy	1,2



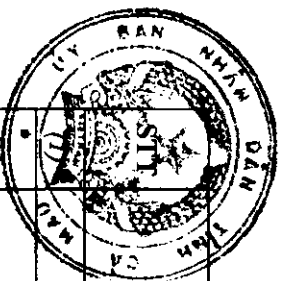
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
Bờ Tây Sông Trèm	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Rạch ông Bường	1,2
Lộ tránh thi trấn Thới Bình (Phía sau huyện đội)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Núi giao với đường hành lang ven biển phía Nam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Giáo, Từ Tàrc)	1,2
Bờ Nam Kênh Công An	Cổng xã Thới Bình	Rạch Bà Dặng	1,0
7. Xã Tân Phú			
Quốc lộ 63	Cổng Cây Gừa (Ranh xã Trĩ Phải)	Cách cầu Chợ Hội 1000m	1,0
nt	Cách cầu Chợ Hội 1000m	Cầu Chợ Hội + 500m	1,0
Quốc lộ 63	Cầu Chợ Hội + 500m	Cổng Ban Lị (Giáp ranh Tân Lộc Bắc)	1,0
Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú	Bạch Ngưu + 100m (Về hướng Tràm Thê)	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Phú	1,2
nt	Lộ bê tông từ ranh UBND xã Tân Phú	UBND xã Tân Phú + 300 m (Về hướng Chủ Trĩ)	1,2
nt	Cách cầu Chợ Hội: 50 m (Dọc 2 bờ kênh xáng Bạch Ngưu)	Kênh xáng Huyện Sứ - Chợ Hội	1,2
nt	Ngã tư Chợ Hội (Về hướng Tràm Thê)	Ngã tư Chợ Hội + 500m	1,2
Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt - Tràm Thê	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt	Lộ Tràm Thê	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8. Xã Tân Lộc Đông				
58	Lộ Tân Phong	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc)	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	1,2
59	nt	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	Kinh xáng Phụng Hiệp	1,2
60	nt	Cầu Đầu Xấu	Bến phà Đầu Xấu (Giáp kinh xáng Phụng Hiệp)	1,2
61	Tuyến lộ dọc Kinh xáng Phụng Hiệp	Kênh Nhà Thờ (Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu)	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	1,2
62	nt	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	1,2
63	nt	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	UBND xã +1000m (Về hướng Cà Mau)	1,2
64	Tuyến lộ dọc Kinh xáng Phụng Hiệp	UBND xã + 1000m (Về hướng Cà Mau)	Cách Vàm Bướm: 500m	1,2
65	Tuyến lộ dọc Kinh xáng Phụng Hiệp	Cách Vàm Bướm: 500m	Vàm Bướm	1,2
66	Tuyến Vàm Bướm - kênh Láng Trám	Vàm Bướm	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	1,0
67	nt	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	Giáp ranh Tân Lộc - Tân Lộc Đông	1,2
9. Xã Tân Lộc Bắc				
68	Quốc lộ 63	Cống Ban Li (Giáp ranh xã Tân Phú)	Cách cầu Tân Bình 500m	1,2



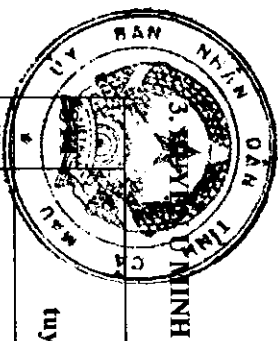
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
69 nt	Cách cầu Tân Bình 500m	Cầu Tân Bình		1,2
70 nt	Cầu Tân Bình	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)		1,2
71 nt	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	Giáp ranh xã Tân Lộc		1,2
72 Lộ Tân Phong	Cầu Tân Bình	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc		1,2
73 nt	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m		1,2
74 nt	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	Cổng Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc)		1,2
75 Lộ phía sau UBND xã Tân Lộc Bắc	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Giáp Quốc lộ 63		1,2
76 nt	Giáp ranh xã Tân Phú	Giáp ranh xã Tân Lộc		1,2
77 Tây Bạch Ngưu	Giáp Tân Lộc	Ranh ấp 6		1,2
78 nt	Giáp ấp 9	Cầu Kênh Miếu		1,2
79 nt	Kênh Miếu giáp ấp 6	Cầu Bào Chà		1,2
10. Xã Tân Lộc				
80 Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Giáp ranh xã Thới Bình	Cầu Rạch Giăng		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
81	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Cầu Rạch Giáng	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	1,2
82	nt	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	Cầu Bạch Ngưu	1,2
83	nt	Cầu Bạch Ngưu	Quốc lộ 63	1,2
84	Quốc Lộ 63	Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc	Cầu số 5	1,2
85	nt	Cầu số 5	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	1,0
86	nt	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	Cầu số 4	1,0
87	nt	Cầu số 4	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	1,2
88	nt	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	Cầu số 3	1,2
89	Lộ bê tông Chợ Tân Lộc	Tiệm vàng Đức Thiệu	Hết ranh đất ông Đơ	1,2
90	nt	Hết ranh nhà ông Đơ	Hết ranh Trường mầm non Tân Lộc	1,2
91	Các tuyến lộ thuộc xã Tân Lộc	Cầu số 4	Chùa Phước Linh (Phía Nam, ấp 2)	1,2
92	Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm	Cầu số 4 (Bờ Bắc, ấp 3)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Áp 3)	1,2
93	nt	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Bờ Bắc, ấp 3)	Giáp ranh xã Tân Lộc Đông	1,2



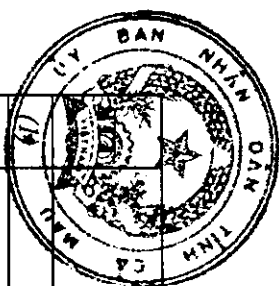
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
nt	Cầu số 4 (Bờ Nam)	Ngang nhà ông Ba Nhuận		1,2
94				
95	Lộ Tân Phong	Cổng Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc)	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc Đông)	1,2
11. Xã Hộ Thị Kỳ				
96	Bờ Tây Sông Trẹm	Rạch Ông Bường	Rạch Cai Phú (Tên cũ: Rạch Cái Phú)	1,2
97	Đường về UBND xã Hộ Thị Kỳ	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Bạch Ngưu + 250m (Về hướng Tắc Thủ)	1,2
98	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Nam)	1,2
99	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Bắc)	1,2
100	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Vàm Bạch Ngưu	Kênh bả Mười Bánh Cam	1,2
101	nt	Kênh bả Mười Bánh Cam	Vàm Rạch Giồng	1,2
102	Tuyến lộ ven sông Tắc Thủ	Bạch Ngưu	Hết ranh đất bả Lén	1,2
103	nt	Hết ranh nhà bả Lén	Cầu Tắc Thủ (Khu chợ)	1,2
104	Tuyến lộ Đường Xuồng	Cầu Chữ Y	Cầu Rạch Bần Nhỏ	1,2
105	Tuyến lộ Đường Xuồng	Cầu Rạch Bần Nhỏ	Cổng Đường Xuồng	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
106	Lộ nhựa đi Bào Nhàn	Cầu Khánh An	Cầu Bến Gỗ	1,2
107	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	1,2
108	nt	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	Kênh Rạch Giồng (Sông Bạch Ngưu)	1,2
109	Vô Văn Kiệt	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Khánh An (Sông Ông Đốc)	1,2
110	Lộ ven sông Trẹm (Phía Đông)	Cầu kênh Thị Phụng	Rạch Ông Hương (Tên cũ: Rạch Bà Hội)	1,2
111	Tuyến lộ bê tông kênh Thị Phụng (Bờ Nam)	Sông Trẹm	Cầu trước nhà ông Quách Dũng	1,2
112	Lộ bê tông (Tắc Thủ - Khánh An)	Cầu Tắc Thủ	Cầu Khánh An	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



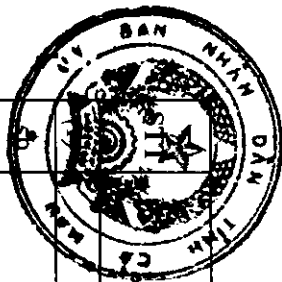
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Xã Khánh Thuận			
1	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18
2	nt	Kênh 18, bờ Bắc	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang
3	Kênh 5 đất Sét: Bờ nam	Đầu kênh	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang
4	Kênh 11	Bờ Bắc (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình
5	nt	Bờ Nam (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình
6	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Kênh Xã Thịn, bờ Nam
7	nt	Kênh Xã Thịn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa
8	Kênh xã Thịn	Đầu kênh Xã Thịn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa
9	nt	Đầu kênh Xã Thịn, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa
10	Rạch Nai	Đầu kênh Rạch Nai, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa
11	Bờ bao Ba Quý	Bờ Đông (Giáp lộ bắc kênh 11)	Kênh 21, bờ Nam
12	Kênh 18	Kênh 18, bờ Bắc (Giáp Thới Bình)	Lộ nhựa 7 Kênh
13	nt	Đầu kênh 18, bờ Nam	Bờ bao kênh Tư
14	Lộ nhựa 7 Kênh	Đầu lộ (Bờ Bắc kênh 11)	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang
15	Kênh 3	Kênh 18	Kênh 21

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Kênh 27 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
17	Kênh 27 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
18	Kênh 28 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
19	Kênh 28 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
20	Kênh 29 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
21	Kênh 25 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
22	Kênh 25 rươi (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
23	Kênh 4	Giáp ranh thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18	1,2
24	Kênh 26 (Hai bờ)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
2. Xã Khánh Hòa				
25	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Nam)	Ngã ba Kim Đài	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
26	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Bắc)	Ngã ba Đường Cuốc	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
27	Kênh Kim Đài - Khánh Lâm	Ngã ba Kim Đài, bờ Đông	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	1,2
28	nt	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,2
29	nt	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,2
30	Kênh Mũi Chùi (Bờ Bắc)	Đầu kênh Mũi Chùi (Kênh Công Nghiệp)	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,2



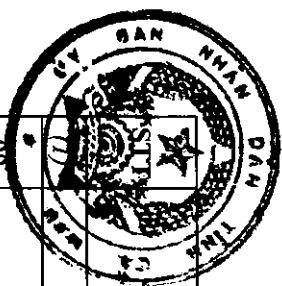
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến		
	(2)	(3)	(4)	(5)	
31	Kênh Mũi Chùi (Bờ Nam)	Đầu kênh Mũi Chùi	Giáp ranh xã Khánh Tiến		1,2
32	Kênh Khor Me lớn	Kênh Khor Me lớn, bờ Tây (Đầu cầu)	Hết ranh đất ông Danh Âm		1,2
33	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây (UBND xã)	Ngã ba Lung Vườn		1,2
34	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Đông (Trạm y tế xã)	Ngã ba Lung Vườn		1,2
35	Ngã ba Lung Vườn - Kênh Sáu Nhiều	Ngã ba Lung Vườn	Đầu kênh Sáu Nhiều		1,2
36	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Nam	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)		1,2
37	nt	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Bắc	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)		1,2
38	Kênh Lung Ngang	Đầu kênh Lung Ngang, bờ Tây	Ngã ba kênh xáng Đứng		1,2
39	Kênh Cùng	Kênh Cùng, bờ Bắc (Giáp kênh Đường Cuốc)	Kênh xáng Đứng		1,2
40	Kênh Khor Me Nhỏ(Bờ Tây)	Giáp kênh Công nghiệp	Giáp sông Hương Mai		1,2
41	Kênh Năm Dang(Bờ Bắc)	Đầu kênh Kim Đài, bờ Bắc	Kênh Hai Huỳnh		1,2
42	Kênh 3 Chình (Bờ Tây)	Giáp lộ Khánh Lâm	Ngã 3 ngọn Kim Đài		1,2
43	Kênh Sáng Đứng (Bờ Đông)	Đầu lộ Kênh Cùng	Trường Vô Văn Tẩn		1,2
44	Kênh 12 hộ (Bờ Tây)	Ngã 4 Lung Ngang	Ngã 4 chữ Đinh		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45	Kênh Lung Vườn - Chánh Bảy (Bờ Bắc)	Ngã 4 Lung Vườn	Chánh Bảy	1,2
3. Xã Khánh Tiến				
46	Tuyến sông Hương Mai	Phía Nam lộ xe từ cống Hương Mai	Kênh Công Điền, bờ Tây	1,2
47	nt	Kênh Công Điền, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1,2
48	nt	Phía Bắc từ cống Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Tây	1,2
49	nt	Kênh Chà Là, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1,2
50	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Tây	Ngã tư Tiểu Dừa	1,2
51	nt	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Đông	Ngã tư kênh Tiểu Dừa	1,2
52	nt	Ngã tư kênh Tiểu Dừa, bờ Nam	Cống Tiểu Dừa	1,2
53	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	UBND xã Khánh Tiến, hướng Tây	Ngã tư rạch Chơai	1,2
54	nt	UBND xã Khánh Tiến, hướng Đông	Ngã tư rạch Chơai	1,2
55	nt	Ngã tư rạch Chơai, bờ Tây	Ngã tư rạch Dinh	1,2
56	nt	Ngã tư rạch Chơai, bờ Đông	Ngã tư rạch Dinh	1,2
57	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Chơai, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Hòa	1,2
58	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Chơai, bờ Nam	Giáp xã Khánh Hòa	1,2



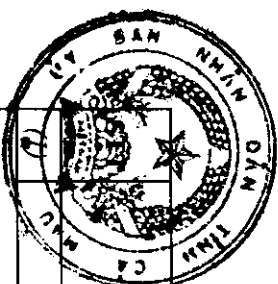
Đường, tuyến lộ, khu vực	(2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
		(3)	(4)	(5)
nt		Ngã tư rạch Chơai, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,2
60	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Chơai, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,2
61	Ngã tư rạch Dinh-Khánh Lâm, Khánh Hội	Ngã tư rạch Dinh, bờ Tây	Ngã ba Lung Ranh	1,2
62	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Đông	Ngã ba Lung Ranh	1,2
63	nt	Ngã ba Lung Ranh, bờ Bắc	Cổng Lung Ranh	1,2
64	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,2
65	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,2
66	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1,2
67	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Giáp xã Khánh Lâm	1,2
68	Kênh Mười Hậu	Đầu kênh Mười hậu, bờ Đông	Cuối kênh	1,2
69	nt	Đầu kênh Mười Hậu, bờ Tây	Cuối kênh	1,2
70	Kênh Cựa Gà	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Nam	Ngon Cựa Gà, bờ Tây	1,2
71	nt	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Bắc	Ngon Cựa Gà, bờ Đông	1,2
72	Kênh 6 Mâu (Bờ Bắc)	Kênh 3 Thuộc	Cuối kênh	1,2
73	Bờ Nam Rạch Dinh	Ngã ba Xóm Mới	Kinh Út Nhuận	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
4. Xã Nguyễn Phích					
74	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc Bảy Hộ	Bờ Nam Ông Khện	1,2	
75	nt	Bờ Bắc ông Khện	Bờ Nam Đội Tâm	1,2	
76	nt	Bờ Bắc Đội Tâm	Bờ Nam Cây Khô(Giáp thị trấn)	1,2	
77	Kênh Zero	Đầu kênh Zero, bờ Nam	Cầu Bình Minh	1,2	
78	nt	Đầu kênh Zero, bờ Bắc	Giáp huyện Thới Bình	1,2	
79	Kênh xáng Bình Minh	Kênh xáng Bình Minh, bờ Tây	Giáp xã Khánh An	1,2	
80	Đông Nồng Ông Sáu	Bắc Kênh Zero (Bờ Đông)	Nam Ông Sáu	1,2	
81	Đông Nồng Ông Sáu	Bắc Kênh Zero (Bờ Tây)	Nam Ông Sáu	1,2	
82	Rạch Ông Sáu	Đầu rạch Ông Sáu, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2	
83	Rạch Ông Sáu	Đầu rạch Ông Sáu, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,2	
84	Rạch Tênh	Đầu rạch Tênh, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2	
85	nt	Đầu rạch Tênh, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,2	
86	Rạch Sộp	Đầu rạch Sộp, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2	
87	nt	Đầu rạch Sộp, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,2	



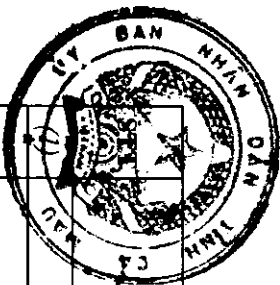
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
Rạch Chết	Đầu rạch Chết, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2
89 nt	Đầu rạch Chết, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,2
90 Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Lung Diễm, bờ Bắc	Rạch Rọi, bờ Nam	1,2
91 nt	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Bà Y	1,2
92 nt	Bờ Bắc bà Y	Giáp ranh thị trấn	1,2
93 Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Ông Diễm, bờ Bắc	Giáp thị trấn	1,2
94 Kênh Khai Hoang	Bờ Nam Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
95 nt	Bờ Bắc Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
96 Kênh 29	Cầu Khai Hoang, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1,2
97 Kênh số 3 (Tên cũ: Ngọn rạch Tênh)	Kênh 4 (Bờ Nam kênh số 3)	Bờ bao ba Quý (Có đường bê tông)	1,2
98 nt	Kênh 4 (Bờ Bắc kênh số 3)	Bờ bao ba Quý (Có đường bê tông)	1,2
99 Rạch Tắc	Đầu rạch Tắc, bờ Nam	Giáp kênh Tư (Có đường bê tông)	1,2
100 nt	Đầu rạch Tắc, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2
101 Rạch Ông Diễm	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu (Lộ nhựa)	1,2
102 Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
103	Rạch Phó Nguyễn	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Nam	Sông Cái Tàu	1,2
104	Kênh Đội Tâm	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Nam)	Giáp Kênh 4	1,2
105	nt	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Bắc)	Giáp Kênh 4	1,2
106	Kênh Ba Tây (Bờ Đông)	Đầu kênh Ba Tây	Rạch Tền	1,2
107	Kênh Ba Tinh (Bờ Nam)	Đầu kênh Ba Tinh	Kênh xáng Bình Minh	1,2
108	Rạch Nàng Chằng (Bờ Nam)	Đầu Rạch Nàng Chằng	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
109	Rạch Bà Án (Bờ Nam)	Đầu Rạch Bà Án	Kinh Hai Khện	1,2
110	Rạch Chuôi (Bờ Nam)	Đầu Rạch Chuôi	Kênh Tư	1,2
111	Rạch Hàng (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
112	Rạch Giồng Ông (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,2
113	Rạch Ngã Bắc (Bờ Tây)	Rạch Giồng Ông	Kênh Tư	1,2
114	Kênh 35 (Bờ Bắc)	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp lộ kênh 96	1,2
115	Kênh 4 (Bờ Đông)	Ngọn Rạch Tền	Kênh Zero (Bờ Đông)	1,2
116	Lộ U Minh - Thới Bình	Lộ U Minh - Cà Mau	Lộ kênh sáng Bình Minh	1,2



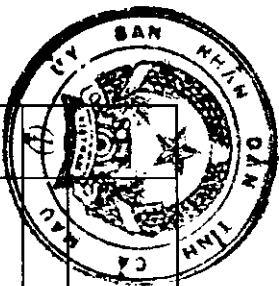
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
5. Xã Khánh Lâm			
117 Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miếu, bờ Đông	1,2
118 nt	Kênh Miếu, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,2
119 Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miếu, bờ Đông	1,2
120 nt	Kênh Miếu, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,2
121 Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Đông	Đập Chín Thổng	1,2
122 Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,2
123 nt	Đầu kênh Dón Hàng Gòn	Đội 1	1,2
124 Bờ tây kênh Sáu Tiến – Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,2
125 nt	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	Đội 1	1,2
126 Tuyến kênh 89	Bờ Tây (Đội 1 -đầu lộ nhựa)	Giáp tuyến kênh 29	1,2
127 nt	Bờ Đông (Đội 1 - đầu lộ đất)	Giáp tuyến kênh 29	1,2
128 Dọc theo lộ nhựa tuyến 29	Tuyến 93 (Giáp xã Nguyễn Phích)	Tuyến 89	1,2
129 nt	Tuyến 89	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
130	Bờ nam kênh 29	Tuyến 93 (Giáp xã Khánh An)	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1,2
131	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu 6 Kham, bờ Nam	Kênh Đứng, bờ Tây	1,2
132	nt	Cầu Dón Hàng Gòn, bờ Bắc	Kênh Đứng, bờ Tây	1,2
133	Kênh Mười Quân	Đầu kênh Mười Quân, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,2
134	Kênh Bà Mụ	Đầu kênh Bà Mụ, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,2
135	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,2
136	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,2
137	Kênh Biện Nhị (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,2
138	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Kênh 30/4, bờ Tây	Kênh Chệt Lèm, bờ Đông	1,2
139	nt	Kênh Chệt Lèm, bờ Tây	Cầu ngang Khánh Lâm	1,2
140	nt	Cầu ngang Khánh Lâm	Cầu Ván, bờ Đông (Giáp xã Khánh Hội)	1,2
141	Kênh Kim Đài	Đầu kênh Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,2
142	nt	Đầu kênh Kim Đài, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,2
143	Kênh Ba Thước	Kênh Ba Thước (2 bên)	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2



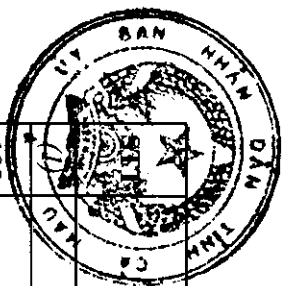
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
144	Kênh Cầu Ván	Đầu kênh Cầu Ván, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
145	Kênh Lung Ranh	Từ bờ Đông Cầu Ván	Bờ Tây kênh 6 Thước	1,2
6. Xã Khánh Hội				
146	Tuyến lộ U Minh-Khánh Hội 2 bờ Nam, Bắc	Kênh Chệt Tùng	Đê Biên Tây	1,2
147	Tuyến sông kênh Hội	Đê Biên Tây (Kênh Hội, bờ Nam)	Kênh Chệt Tùng	1,2
148	nt	Đê Biên Tây (Kênh Hội, bờ Bắc)	Kênh Cầu Ván	1,2
149	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Tây	Ngã ba cầu Tư Đại	1,2
150	nt	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thông	1,2
151	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Đông)	Giáp huyện Trần Văn Thới	1,2
152	nt	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Tây)	Kênh 92	1,2
153	nt	Kênh 92, bờ Tây	Giáp huyện Trần Văn Thới	1,2
154	Đê Biên Tây, hướng Đông	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Giáp Trần Văn Thới (Kéo dài)	1,2
155	Kênh T29 (Bờ Bắc)	Đê Biên Tây	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Lâm)	1,2
156	Kênh đê Biên Tây, bờ Đông	Đôn Biên Phòng	Cổng Lung Ranh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
157	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	1,2
158	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Ngã ba Mũi Đước	Cổng Lung Ranh	1,2
159	Tuyến Lung Lá - Mũi Đước	Đất nhà ông Năm An	Hết ranh đất nhà ông Tám Thống	1,2
160	Dốc Dài (Bờ Bắc) - Kênh tập đoàn (Bờ Nam)	Đầu kênh Dốc Dài	Hết kênh Dốc Dài	1,2
7. Xã Khánh An				
161	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bur điện	Cổng Hương Thành	1,2
162	nt	Cổng Hương Thành	Trụ điện vượt sông	1,2
163	nt	Trụ điện vượt sông	Bờ Tây rạch Xẻo Dài (Đầu rạch)	1,2
164	nt	Bờ Đông rạch Xẻo Dài (Đầu rạch)	Bờ Nam rạch Cây Phú (Giáp Thới Bình)	1,2
165	Kênh Xẻo Dài	Bờ Tây kênh Xẻo Dài (Đầu vàm)	Hết ranh đất ông Kiệt	1,2
166	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Ngã ba vàm Cái Tàu	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	1,2
167	nt	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	Hết ranh đất ông Chín Yên	1,2
168	nt	Hết ranh đất ông Chín Yên	Bờ Nam Xẻo Mác	1,2
169	nt	Bờ Bắc Xẻo Mác	Bờ Nam Xẻo Tre	1,2



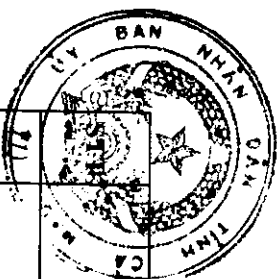
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
170	nt	Bờ Bắc Xẻo Tre	Giáp Nguyễn Phích	1,2
171	Kênh Xẻo Tre (2 bờ)	Bờ Nam (Đầu kênh)	Hết lộ bê tông (Kênh Giữa)	1,2
172	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh xáng Bình Minh	1,2
173	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ Tây)	Từ nhà máy điện 1	Bờ Nam kênh Đào Trà tuyến 21	1,2
174	nt	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Kênh Nam Dương	1,2
175	nt	Bờ Bắc rạch Rô	Bờ Nam ông Diễm (Giáp Nguyễn Phích)	1,2
176	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,2
177	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,2
178	Rạch Rô (2 bờ)	Rạch Rô (Đầu kênh)	Giáp ranh đất Trại giam Cái Tàu	1,2
179	Kênh Đào Trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Cầu kênh Thủy Lợi	1,2
180	nt	Cầu kênh Thủy Lợi	Hết ranh Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần	1,2
181	Kênh Đào trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần (Bờ Bắc)	Hết ranh đất nhà ông Thư	1,2
182	nt	Hết ranh đất nhà ông Thư	Hết ranh đất ông Lai Chí Thống	1,2
183	nt	Hàng rào khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm, bờ Nam	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
184	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Ngon rạch Ông Điểm	Tuyến 23	1,2
185	nt	Tuyến 23	Tuyến 21	1,2
186	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Tuyến 21	Giáp công bờ bao lộ Minh Hà (Kéo dài thêm)	1,2
187	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Cầu Tắc Thủ	1,2
188	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Tuyến T19 (Giáp Trần Văn Thời)	1,2
189	nt	Trạm phân phối khí 2 bên (Theo ống dẫn khí)	Trục lộ xe Cà Mau – U Minh	1,2
190	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Đầu kênh xáng Minh Hà	Hết ranh đất ông Chín Bảo	1,2
191	nt	Hết ranh đất ông Chín Bảo	Ngon Rạch Nhum	1,2
192	nt	Ngon Rạch Nhum	Giáp Trần Văn Thời	1,2
193	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Bờ Tây lộ nhựa (Đầu tuyến 21 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	1,2
194	nt	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu kênh xáng Minh Hà	1,2
195	nt	Cầu kênh xáng Minh Hà	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,2
196	nt	Bờ Đông lộ nhựa (Đầu tuyến T21 cũ)	Hết ranh đất ông Kỳ	1,2
197	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Từ ranh đất ông Chiến (Hướng Đông)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,2

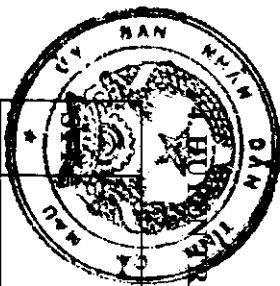


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
198 nt	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Lô Ia)	Cầu Tắc Thủ	1,2
199 nt	Cầu Tắc Thủ (Bờ sông Ông Đốc)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,2
200 Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Đông	Cổng 9 Thái	1,2
201 nt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Tây	Cổng 9 Thái	1,2
202 nt	Cổng 9 Thái	Kênh Lũy	1,2
203 nt	Kênh Lũy	Giáp ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	1,2
204 Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	Cầu Khánh An	1,2
205 Bờ Tây Lô 1	Lộ xe Minh Hà	Đường ống dẫn khí	1,2
206 Lô 2 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	1,2
207 Lô 3 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà + 500m	Trại giam Cái Tàu	1,2
208 Rạch Gián 2 bờ	Đầu Vàm	Hết lô 3	1,2
209 Rạch Nhum Bờ Nam (Tên cũ: Rạch Nhum 2 bờ)	Đầu Vàm	Giáp lộ Minh Hà	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
210	Tuyến kênh 29	Đông kênh 93	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
	Khu Tái Định Cư			1,2
211	Đường số 1	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
212	Đường số 1A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,2
213	Đường số 2	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
214	Đường số 3	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
215	Đường số 4	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
216	Đường số 5	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
217	Đường số 6	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
218	Đường số 7	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
219	Đường số 8	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
220	Đường số 9	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
221	Đường số 11	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
222	Đường số 11A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
223	Rạch Giếng (Bờ Nam)	Đầu Rạch	Hết lộ bê tông
224	Kinh Cây Phú (Bờ Nam)	Kinh xáng Lộ Xe	Hết lộ bê tông
Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



Huyện Tràn Văn Thới

**Đường,
tuyến lộ, khu vực**

(1) (2)

Đoạn đường

Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)

(3)

Từ

(4)

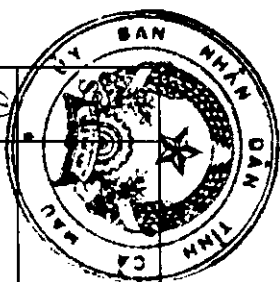
Đến

(5)

1. Xã Khánh Bình Tây Bắc

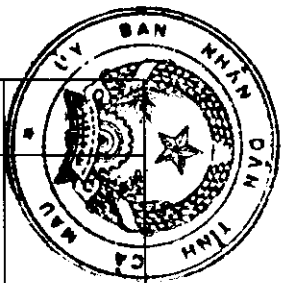
1	Tuyến bờ Đông kênh xáng Giữa	Ngã tư Ba Tỉnh (Đất ông Lê Văn Cang)	Đường ống dẫn khí PM3	1,2
2	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chót	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thắng	1,0
3	nt	Ranh đất bà Sứ Thị Hòa	Hết ranh đất ông Trương Văn Oai	1,2
4	nt	Ranh đất ông Lương Minh Tuấn	Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Bình	1,2
5	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Rót	Hết ranh đất ông Huỳnh Thương Hải	1,2
6	Tuyến bờ Tây kênh xáng Giữa	UBND xã	Đường ống dẫn khí PM3	1,2
7	nt	Ranh đất bà Châu Thị Mận	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,0
8	Tuyến bờ Bắc kênh Ba Tỉnh	Ranh đất ông Phan Viết Thanh	Hết ranh đất ông Võ Tấn Biệt	1,2
9	nt	Ranh đất ông Huỳnh Tấn Phiếu	Hết ranh Trường Tiểu học 1	1,0
10	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quang	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Xiếu	1,2
11	Tuyến bờ Nam kênh Ba Tỉnh	Ranh đất ông Lê Văn Vĩnh	Đầu Kênh 16	1,2
12	nt	Đầu kênh 16	Đầu kênh Tam Cấp	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	nt	Đầu kênh Tạm Cấp	Hết ranh đất ông Lê Văn Phát	1,2
14	nt	Ranh đất ông Đồ Hữu Lộc	Hết ranh đất Trường THCS	1,2
15	Tuyến bờ Đông kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Chính	1,2
16	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùm	1,2
17	Tuyến bờ Đông kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thanh Ngân	1,2
18	Tuyến bờ Tây kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,2
19	nt	Ranh đất ông Trần Văn Rờ (Nguyễn Thị Thủy)	Hết ranh đất ông Dương Văn Trục	1,2
20	Tuyến bờ Đông kênh 16	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	1,2
21	nt	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	Hết ranh đất ông Phạm Văn Minh	1,2
22	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Mai Văn Thắng	1,2
23	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	1,2
24	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	Hết ranh đất ông Bùi Văn Ri	1,2
25	Tuyến bờ Đông kênh Xóm Huế	Ranh đất ông Huỳnh Xuân Tới	Hết ranh đất ông Lý Văn Tuấn	1,2



 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)	
	Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	Tuyến bờ Tây kênh Xóm Huế	Ranh đất bà Lê Thị Bút	Hết ranh đất ông Ngô Văn Đèo	1,0
27	Tuyến bờ Bắc kênh Sào Lưới	Ranh đất ông Nguyễn Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Võ Văn Chiến	1,2
28	nt	Ranh đất ông Võ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Học	1,2
29	Tuyến bờ Nam kênh Sào Lưới	Ranh đất Nguyễn Văn Hai	Hết ranh đất ông Hồng Đông Châu (Giáp đê Trung ương)	1,0
30	Tuyến bờ Tây kênh 84	Ngã ba tuyến 21 - 84	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
31	Tuyến bờ Tây kênh Dón	Ngã ba tuyến 21 - kênh Dón	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lúa (Ngã 3 kênh Mười Luom)	1,2
32	nt	Ranh đất ông Dương Thành Nguyên	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
33	Tuyến bờ Đông kênh 88	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đém	Ranh đất Trường THCS Lâm Ngư Trường	1,2
34	nt	Trường THCS Lâm Ngư Trường	Ngã tư tuyến 88 - 21	1,2
35	Tuyến bờ Tây kênh 88	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Đỗ Thị Hiền	1,2
36	nt	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Thịnh	1,2
37	nt	Ranh đất ông Cao Hoàng Giao	Ngã tư tuyến 88 - 25	1,2
38	Tuyến bờ Bắc kênh tuyến 21 (PM3)	Ranh đất ông Lê Văn Hiền	Trạm tiếp bờ PM3	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Tuyến bờ Đông kênh bờ Bao (Phía trong Đê quốc phòng)	Ranh xã Khánh Bình Tây	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1,2
40	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thành Nam	Ranh xã Khánh Hội, huyện U Minh	1,2
41	Tuyến bờ Tây kênh 85	Ranh đất ông Phạm Công Uẩn	Hết ranh đất ông Lê Tấn Lợi	1,2
42	Tuyến Bờ Tây kênh 87	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Kiệt	1,2
43	Tuyến bờ Đông kênh Đào	Ranh đất ông Phạm Văn Cân	Hết ranh đất bà Lê Ngọc Biết	1,2
44	Tuyến bờ đông kênh Cùng	Ranh đất bà Trương Thị Út	Hết ranh đất ông Dương Văn Minh	1,2
45	Tuyến bờ tây kênh Cùng	Ranh đất bà Trương Thị Bê	Hết rang đất ông Nguyễn Thanh Tùng	1,2
46	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Ranh đất ông Tôn Văn Đe	Hết ranh đất ông Tạ Minh Quang	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
2. Xã Khánh Bình				
47	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Bình Đông (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Văn Quang (Giáp xã Khánh Bình Đông)	Ngã ba Bảy Triệu (Hết ranh đất ông Châu Văn Nam)	1,2
48	nt	Ranh đất ông Châu Văn Nam	Vàm Rạch Cui (Ranh Trường tiểu học)	1,2
49	nt	Ngã ba Bảy Triệu	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông La Văn Sạn)	1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Lộ Tắc Thi - Sông Đốc (Trong đê)	Giáp huyện U Minh	Cổng kênh Hội (Ranh đất ông Lê Tấn Lợi)	1,2
51	nt	Cổng Kênh Hội	Cổng Đường Ranh (Hết ranh đất ông Võ Thanh Hải)	1,2
52	nt	Cổng Đường Ranh	Cổng Chồn Gầm	1,2
53	nt	Cổng Chồn Gầm	Tượng đài Liệt Sỹ	1,2
54	nt	Tượng đài Liệt Sỹ	Cổng Rạch Bảo (Hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Việt)	1,2
55	nt	Cổng Rạch Bảo (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Vàm Ông Bích	1,2
56	nt	Vàm Ông Bích (Đất ông Nguyễn Văn Sơn)	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Ký Văn Hoàng)	1,2
57	nt	Vàm Cả Giữa (Đất ông Dương Văn Chiến)	Vàm ông Kiệt (Ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1,2
58	nt	Vàm ông Kiệt (Đất ông Nguyễn Văn Đức)	Kênh Giữa (Hết ranh đất bà Lê Thị Mạnh)	1,2
59	nt	Kênh Giữa (Hết ranh đất ông Hồ Văn Trọng)	Vàm Rạch Cui (Ranh đất ông La Văn Sạn)	1,2
60	Lộ Tắc Thi - Sông Đốc (Trong đê)	Vàm Rạch Cui (Đất Trường tiểu học)	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Trương Văn Vinh)	1,2
61	nt	Ranh đất ông Ký Văn Tâm (Đi vào kênh Cả Giữa)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	1,2
62	nt	Ranh đất bà Ký Thị Huy (Hương Đông)	Hết ranh đất ông Ký Văn Nhi	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	nt	Trường Tiểu học Vàm Ông Bích	Hết ranh đất ông Phạm Văn Túc	1,2
64	nt	Kênh Cựa Gà (Ông Bích)	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Rô	1,2
65	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hận (Vào Kênh Chồn Gầm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hưng	1,2
66	nt	Ranh đất Lê Văn Phương (Vào kênh Chồn Gầm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thông	1,2
67	nt	Ranh đất ông Dương Văn Hữu (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Dư Văn Trung	1,2
68	nt	Ranh đất bà Võ Thị Thường (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trung Tấn	1,2
69	nt	Cổng Kênh Hội (Bờ Nam, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thao	1,2
70	nt	Cổng Kênh Hội (Bờ Bắc, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Tý	1,2
71	nt	Cổng Kênh Ranh trở vào	Hết ranh đất ông Phạm Văn Át	1,2
72	nt	Giáp huyện U Minh	Cổng Kênh Hội (Ngoài đê)	1,2
73	nt	Cổng Kênh Hội (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	1,2
74	nt	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	Cổng Đường Ranh (Hết ranh đất ông Dư Văn Chiến)	1,2
75	nt	Cổng Đường Ranh	Cổng Chồn Gầm	1,2